

BÁO CÁO**Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2014**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật XLVPHC) và Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC, Bộ Tư pháp có trách nhiệm theo dõi chung và định kỳ 6 tháng, 01 năm có trách nhiệm báo cáo công tác thi hành pháp luật (THPL) về xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC). Tính đến ngày 31/12/2014, Bộ Tư pháp nhận được báo cáo công tác THPL về XLVPHC của 21/21 Bộ, cơ quan ngang Bộ và 63/63 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp báo cáo công tác THPL về XLVPHC năm 2014 (từ ngày 01/10/2013 đến ngày 30/9/2014) như sau:

Phần thứ nhất**TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC THPL VỀ XLVPHC****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT XLVPHC VÀ CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT****1. Về phía các Bộ, cơ quan ngang Bộ**

Thực hiện quy định của Luật XLVPHC (Điều 17) về trách nhiệm của Chính phủ trong quản lý công tác THPL về XLVPHC, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đề nghị Tòa án nhân dân tối cao phối hợp triển khai đồng bộ các hoạt động nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của pháp luật XLVPHC một cách toàn diện. Trên cơ sở đó, công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật XLVPHC đã được các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các địa phương tiến hành nghiêm túc.

1.1. Về phía Bộ Tư pháp: Trên cơ sở kế thừa các thành quả đã đạt được của năm 2012 và 2013, trong năm 2014, Bộ Tư pháp tiếp tục phát huy, tích cực chỉ đạo triển khai thi hành Luật XLVPHC và các nghị định, thông tư đã ban hành để đạt được những bước tiến dài hơn, thành quả lớn hơn trong lĩnh vực này. Bộ Tư pháp

đã ban hành Kế hoạch¹ và tổ chức 02 Hội nghị tập huấn giới thiệu, quán triệt nội dung, yêu cầu triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 05 hội nghị tập huấn chuyên sâu về Luật XLVPHC và Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số vấn đề của Luật. Với tư cách là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý công tác THPL về XLVPHC, Bộ Tư pháp đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành để xử lý kịp thời các vụ việc phức tạp, các vấn đề “nóng” trong xã hội phát sinh trong quá trình triển khai thi hành Luật XLVPHC (Danh mục văn bản chỉ đạo, triển khai xem Phụ lục số 01 kèm theo Báo cáo).

1.2. Về phía các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Để chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của mình, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã chủ động xây dựng và ban hành các kế hoạch và tổ chức thực hiện. Thực hiện tốt công việc này điển hình là các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước, Tài nguyên và Môi trường²....

2. Tại các địa phương

Công tác chỉ đạo triển khai THPL về XLVPHC được xác định là một nhiệm vụ quan trọng được Tỉnh ủy/Thành ủy, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đặc biệt quan tâm, tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn, trong đó, Sở Tư pháp đóng vai trò là cơ quan tham mưu giúp UBND cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC trên địa bàn tỉnh.

Trong năm 2014, thực hiện Công văn số 23-CV/BCS ngày 19/02/2014 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp về việc phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC, Ban thường vụ tỉnh ủy/thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng đã ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC. Hầu hết UBND các tỉnh đã ban hành Kế hoạch, Chỉ thị về triển khai thực hiện pháp luật về XLVPHC trên địa bàn tỉnh, trong đó, giao nhiệm vụ cho các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định pháp luật thực hiện các công việc cụ thể. Nội dung các Chỉ thị, Kế hoạch này đều tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành tích cực triển khai các hoạt động quán triệt, tăng cường công tác

¹ Quyết định số 845/QĐ-BTP ngày 15/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổ chức Hội nghị tập huấn giới thiệu, quán triệt nội dung, yêu cầu triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về XLVPHC của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
Quyết định số 948/QĐ-BTP ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu về Luật XLVPHC, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC.

² Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 358/QĐ-BNN-PC ngày 04/3/2014 ban hành Kế hoạch công tác pháp chế năm 2014, trong đó bao gồm cả công tác quản lý THPL về XLVPHC; Quyết định số 733/QĐ-BNN-PC ngày 14/4/2014 ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2014, trong đó, xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 2014 của Bộ là công tác THPL về XLVPHC. Trong lĩnh vực thống kê, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Công văn số 6373/BKHĐT-TCTK ngày 29/8/2013 gửi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị ban hành Chỉ thị về việc tuyên truyền và triển khai Nghị định số 79/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định về XPVPHC trong lĩnh vực thống kê. Đến nay, đã có nhiều Bộ, ngành và hầu hết địa phương đã ban hành Chỉ thị và tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến tới các đối tượng thuộc phạm vi quản lý với nhiều hình thức phù hợp.

phối hợp, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật có liên quan đến XPVPHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi địa bàn, lĩnh vực quản lý. Một số địa phương như: Thái Bình, Lào Cai, Đà Nẵng, Cần Thơ.... làm khá tốt công tác này³.

II. CÔNG TÁC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XLVPHC

1. Việc soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

Việc khẩn trương tổ chức soạn thảo, trình Chính phủ ban hành các nghị định quy định XPVPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước nhằm hoàn thiện hệ thống các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHC luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai thi hành Luật XLVPHC.

1.1. Về việc ban hành các văn bản quy định chi tiết Luật XLVPHC: Trong năm 2014, Chính phủ tiếp tục ban hành 03 Nghị định quy định XPVPHC⁴. Như vậy, tổng số văn bản được Chính phủ ban hành để quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính đến tháng 12/2014 là 55 Nghị định⁵ (Xem Phụ lục số 02 kèm theo Báo cáo).

Trên cơ sở các Nghị định do Chính phủ ban hành, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành 38 Thông tư và Thông tư liên tịch quy định chi tiết thi hành các Nghị định trong lĩnh vực do mình quản lý (Xem Phụ lục số 03 kèm theo Báo cáo).

Ngày 10/11/2014, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 77/2014/QH13 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, trong đó, Quốc hội yêu cầu Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ để bảo đảm thực hiện có hiệu quả quy định của Luật XLVPHC⁶. Trên cơ sở đó, Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được quy định tại Nghị quyết số 77/2014/QH13, trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là ban hành đầy đủ và kịp thời các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn Luật XLVPHC, rà soát, sửa đổi, bổ sung các Nghị định, Thông tư liên quan để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về XLVPHC. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành tư pháp năm 2015 về công tác hoàn thiện pháp luật về XLVPHC.

1.2. Việc xây dựng, trình phê duyệt và triển khai các Đề án: Bên cạnh các VBQPPL quy định chi tiết Luật XLVPHC, theo Quyết định số 1473/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai và Danh mục nghị định quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHC, một số các Bộ, cơ quan ngang Bộ phải xây dựng, trình Chính phủ phê duyệt các Đề án triển khai thi hành Luật XLVPHC, đó là: (i) Đề án xây dựng tổ chức, bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác THPL về XLVPHC của Bộ Tư pháp và các cơ quan tư

³ UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 03/4/2014; UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành Chỉ thị số 02/2014/CT-UBND ngày 17/4/2014; UBND thành phố Đà Nẵng có Kế hoạch số 10157/KH-UBND ngày 30/11/2012 về triển khai thi hành Luật XLVPHC trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; UBND thành phố Cần Thơ ban hành Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 18/9/2014 về việc thực hiện pháp luật về XLVPHC trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

⁴ Năm 2013, Chính phủ ban hành 52 Nghị định quy định chi tiết Luật XLVPHC.

⁵ Hiện còn 03 Nghị định chưa được Chính phủ ban hành: Nghị định quy định CSDLQG về XLVPHC (dự kiến trình Chính phủ trong năm 2015); Nghị định XPVPHC trong công tác dân tộc; Nghị định XPVPHC trong hoạt động chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hoá lãnh sự.

⁶ Khoản 5 Mục II Nghị quyết số 77/2014/QH13 ngày 10/11/2014 của Quốc hội.

pháp địa phương⁷; (ii) Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC⁸; (iii) Đề án quản lý người chưa thành niên trong thời gian giáo dục tại xã, phường, thị trấn (GDTXPTT); tiếp nhận, nuôi dưỡng đối tượng sau khi hết hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại các cơ sở bảo trợ xã hội⁹.

Tính đến ngày 31/12/2014: Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Đề án xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác THPL về XLVPHC của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương” (kèm theo Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 25/10/2013). Hai đề án còn lại hiện vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu, soạn thảo, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong thời gian tới, dự kiến vào cuối năm 2015. Đây cũng là một phần trong các nhiệm vụ trọng tâm của ngành tư pháp trong năm 2015.

2. Tại địa phương

Về cơ bản, các địa phương không ban hành các VBQPPL về XLVPHC mà chủ yếu tổ chức triển khai thực hiện các văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương ban hành. Trong năm 2014, một số địa phương như Hà Nội, Bình Thuận, Đà Nẵng... cũng ban hành theo thẩm quyền các VBQPPL về XLVPHC trên địa bàn¹⁰. Các văn bản nêu trên là những văn bản pháp luật quan trọng, tạo điều kiện để các cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn triển khai có hiệu quả các quy định cụ thể của pháp luật về XLVPHC tại địa phương, góp phần thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về THPL về XLVPHC.

III. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN, HƯỚNG DẪN VỀ KỸ NĂNG, NGHIỆP VỤ TRONG VIỆC TRIỂN KHAI THI HÀNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT XLVPHC

1. Về phía các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1.1. Về phía Bộ Tư pháp: Để triển khai nhiệm vụ này, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức biên soạn tài liệu, biên soạn sách, sổ tay về XLVPHC, mở chuyên mục về XLVPHC trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ, ngành mình; mở các chuyên trang, chuyên mục đăng bài viết, đưa tin trên một số báo, tạp chí pháp luật (như Báo Nhân dân, Báo Pháp luật Việt Nam, Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật...) để phổ biến kiến thức về pháp luật XLVPHC; giải đáp thắc mắc, vướng mắc của người dân, cơ quan, tổ chức về áp dụng pháp luật XLVPHC, kịp thời cung cấp thông tin về tình hình triển khai thi hành Luật XLVPHC; đưa tin trên một số chuyên mục của Đài Truyền hình Việt Nam (VTV2, VTV6), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV1) về các hoạt động triển

⁷ Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

⁸ Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

⁹ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Công an và các Bộ, ngành, địa phương.

¹⁰ HĐND thành phố Hà Nội đã thông qua Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 quy định về mức tiền phạt đối với một số hành vi VPHC trong lĩnh vực xây dựng và Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 quy định về mức tiền phạt đối với một số hành vi VPHC trong lĩnh vực văn hóa.

Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý và XPVPHC về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành triển khai biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

khai thi hành Luật XLVPHC. Các hoạt động này đã góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết của đông đảo quần chúng nhân dân về nội dung Luật XLVPHC, phổ biến, thông tin rộng rãi tình hình triển khai thi hành Luật.

Trong năm 2014, Bộ Tư pháp cũng rất chú trọng công tác tập huấn, đào tạo bồi dưỡng kiến thức, pháp luật về XLVPHC. Việc tập huấn bao gồm 02 nội dung: tập huấn chuyên sâu về pháp luật XLVPHC và tập huấn quản lý nhà nước về công tác THPL XLVPHC¹¹.

Công tác hướng dẫn về kỹ năng, nghiệp vụ áp dụng pháp luật XLVPHC cũng được Bộ Tư pháp quan tâm chú trọng, nhất là kể từ khi Cục QLXLVPHC&TDTHPL được thành lập và đi vào hoạt động. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và theo phân cấp của Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Cục QLXLVPHC &TDTHPL đã kịp thời có các văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ áp dụng pháp luật về XLVPHC theo yêu cầu của các Bộ, ngành và địa phương. Tính đến ngày 31/12/2014, sau hơn 05 tháng thành lập và đi vào hoạt động, Cục đã phát hành hơn 30 công văn trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ áp dụng pháp luật về XLVPHC (Xem Phụ lục số 04 kèm theo Báo cáo).

1.2. Về phía các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật XLVPHC và các văn bản quy định chi tiết Luật cũng rất được chú trọng. Hình thức phổ biến chủ yếu được thực hiện thông qua hội nghị triển khai, hội nghị tập huấn, hội nghị trực tuyến hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng. Công tác phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ với các cấp chính quyền tại địa phương trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về XLVPHC tiếp tục được tăng cường. Một số Bộ, cơ quan ngang Bộ làm tốt công tác này, như: Bộ Công Thương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng.... Về kết quả thực hiện, có thể đơn cử một số Bộ điển hình như: Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo¹²...

2. Tại các địa phương

Công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về XLVPHC đã được UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thường xuyên quan tâm chỉ đạo, giao Sở Tư pháp, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND cấp huyện tổ chức hội nghị triển khai Luật XLVPHC kịp thời đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, qua đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc

¹¹ Trong năm 2014, Bộ Tư pháp đã tổ chức 08 đợt tập huấn cho các đại biểu là đại diện lãnh đạo Sở, ngành cấp tỉnh; Phó Chủ tịch UBND, Trưởng Phòng Tư pháp cấp huyện; Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện; Thanh tra và Pháp chế Sở, ngành. Bộ Tư pháp cũng đã phối hợp với một số Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức 05 lớp bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng XPVPHC với nội dung tập trung vào kỹ năng nghiên cứu, giải quyết, xử lý các vụ việc VPHC.

¹² Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị không chỉ tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, nhân viên, chiến sĩ những nội dung cơ bản của Luật XLVPHC, các Nghị định về xử phạt VPHC trên các vùng biển đảo, thêm lục địa, trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, tổ chức tập huấn cho 100% cán bộ có thẩm quyền xử phạt VPHC thuộc các cơ quan, đơn vị trong quân đội.

Hầu hết các đơn vị thuộc Bộ Tài chính như Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế... đều đã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính cho các cán bộ, công chức trong toàn hệ thống. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức tập huấn về xử phạt VPHC trong lĩnh vực giáo dục, thành phần tham dự là Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo và một số lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo của 63 tỉnh, thành trên toàn quốc.

phổ biến, tuyên truyền còn được các địa phương triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức khác như: biên soạn chuyên mục hỏi đáp về Luật XLVPHC phát trên đài truyền thanh, truyền hình; phát tờ rơi, tờ gấp; tuyên truyền nội dung các văn bản XLVPHC; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về Luật XLVPHC,... Một số địa phương làm tốt công tác này, điển hình như: Kon Tum, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Bình, Ninh Bình, Lạng Sơn, Cà Mau, Bình Dương, Bến Tre...

Về công tác bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về XLVPHC và quản lý công tác THPL về XLVPHC: hầu hết các địa phương đã cử cán bộ tham dự các đợt bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về XLVPHC và quản lý công tác THPL về XLVPHC do Bộ Tư pháp tổ chức tại Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, các Sở, ban, ngành (như Cục thuế, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương...) cũng đã cử các cán bộ, công chức thuộc ngành mình quản lý tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn XLVPHC do các Bộ, ngành chủ quản tổ chức cũng như tổ chức tập huấn cho toàn thể cán bộ, công chức trong ngành về XLVPHC¹³. Ngoài ra, một số địa phương cũng đã chủ động tổ chức các hội nghị triển khai, các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về XLVPHC trên địa bàn các tỉnh, thành phố với sự tham gia của các Báo cáo viên của Bộ Tư pháp. Để nâng cao chất lượng công tác tư pháp cơ sở, nhiều Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố đã tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ tư pháp cấp huyện, cấp xã trong đó đã lồng ghép thêm các nội dung về thi hành Luật XLVPHC.

IV. CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA VIỆC THPL VỀ XLVPHC

1. Công tác kiểm tra, kiểm tra liên ngành việc THPL về XLVPHC

1.1. Về phía các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Trong năm 2014, hầu hết các Bộ chưa xây dựng kế hoạch kiểm tra việc THPL về XLVPHC. Tuy nhiên, công tác kiểm tra việc THPL về XLVPHC được các Bộ quan tâm, tổ chức thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: tổ chức các Đoàn Kiểm tra¹⁴; lồng ghép hoạt động theo dõi THPL với nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC thông qua các chuyên đề theo dõi THPL về XPVPHC trong từng lĩnh vực cụ thể¹⁵...

Công tác phối hợp giữa các Bộ trong việc kiểm tra cũng được một số Bộ thực hiện thường xuyên nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi VPHC. Điển hình là các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải thường xuyên phối hợp với Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục Cảnh sát đường thủy của Bộ Công an trong công tác XPVPHC liên quan đến lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy...

¹³ Ví dụ, theo báo cáo của tỉnh Ninh Bình, các Sở, ban, ngành của Ninh Bình đã cử 115 cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành do các Bộ, ngành tổ chức.

¹⁴ Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập các Đoàn kiểm tra đối với 176 cơ sở trong việc chấp hành các quy định của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định XPVPHC trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định về XPVPHC trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Bộ Tài chính (Tổng Cục Hải quan) đã tổ chức 04 Đoàn kiểm tra công tác XPVPHC tại các đơn vị trực tiếp thực hiện XPVPHC.

¹⁵ Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 1646/QĐ-BCT ngày 27/02/2014 phê duyệt Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2014, trong đó, chuyên đề theo dõi thi hành pháp luật về XPVPHC của Quản lý thị trường được đưa vào kế hoạch để thực hiện.

1.2. Tại các địa phương: Mặc dù công tác kiểm tra, kiểm tra liên ngành việc THPL về XLVPHC mới được quy định và đang trong giai đoạn đầu triển khai thực hiện nhưng nhiều địa phương đã rất quan tâm thực hiện, thường xuyên đôn đốc làm tốt chức năng hướng dẫn, kiểm tra, việc thực hiện các quy định của pháp luật để ngăn chặn và cương quyết xử lý dứt điểm, triệt để mọi hành vi vi phạm ngay từ khi mới phát sinh.

Qua báo cáo về XLVPHC năm 2014 cho thấy, rất nhiều địa phương đã ban hành Kế hoạch kiểm tra của UBND tỉnh về công tác XLVPHC, trong đó, Đà Nẵng, Bắc Giang, Tiền Giang và Bến Tre... là những địa phương điển hình. Bên cạnh các địa phương có Kế hoạch kiểm tra năm 2014 như đã nêu trên, một số địa phương đã thành lập các Đoàn kiểm tra đột xuất để kiểm tra tình hình THPL về XLVPHC trong các lĩnh vực “nóng” như: đất đai, môi trường, xây dựng, giao thông đường bộ... Các Đoàn kiểm tra thường do Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định thành lập, lãnh đạo Sở Tư pháp làm trưởng đoàn, chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao¹⁶. Qua công tác kiểm tra, kiểm tra liên ngành việc THPL về XLVPHC, các đoàn kiểm tra đã kiến nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác XLVPHC, qua đó, giúp cho công tác XLVPHC tại cơ quan, đơn vị hoặc trên địa bàn được thực hiện nghiêm minh, chặt chẽ, kịp thời và triệt để hơn.

2. Công tác thanh tra, phối hợp thanh tra việc THPL về XLVPHC

2.1. Về phía các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Công tác thanh tra được các Bộ trực tiếp giao cho cơ quan chuyên môn về công tác thanh tra thực hiện (Thanh tra Bộ). Ngoài ra, các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ cũng được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Việc triển khai công tác thanh tra do các Bộ, ngành và các đơn vị trực thuộc chủ động thực hiện và báo cáo cơ quan thanh tra cấp trên theo quy định của pháp luật về thanh tra. Trong quá trình các cơ quan thực hiện công tác thanh tra mà phát hiện có VPHC thì các cơ quan này có thể tiến hành xử phạt theo thẩm quyền và được tổng hợp chung trong nội dung về tình hình và kết quả XPVPHC. Vì vậy, Bộ Tư pháp không đề cập cụ thể đến nội dung thanh tra thuộc thẩm quyền của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong Báo cáo này.

Về công tác phối hợp thanh tra, theo quy định của Luật XLVPHC và Điều 22 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan, được thực hiện trong trường hợp có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, đây là nhiệm vụ mới, chỉ thực hiện trong một số trường hợp đặc biệt nêu trên nên trong năm 2014, Bộ Tư pháp chưa phối hợp với các Bộ cơ quan ngang Bộ khác thực hiện việc thanh tra THPL về XLVPHC¹⁷.

¹⁶ UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về việc thành lập Đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về XLVPHC trên lĩnh vực lao động - bảo hiểm xã hội; UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về kiểm tra tình hình THPL năm 2014 trên địa bàn tỉnh. Căn cứ Quyết định số 1764/QĐ-UBND, Đoàn kiểm tra tỉnh Quảng Bình đã có Kế hoạch số 949/KH-ĐKT ngày 10/7/2014 về kiểm tra thực hiện theo dõi thi hành pháp luật đối với công tác XLVPHC và đã tiến hành kiểm tra thực tế đối với 03 cơ quan có thẩm quyền xử phạt VPHC gồm Cục Hải Quan, Cục thuế và Chi cục Kiểm lâm.

¹⁷ Năm 2014, Thanh tra Bộ Tư pháp đã tiến hành 06 cuộc thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực bán đấu giá tài sản, công chứng, hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Qua thanh tra, có 05 trường hợp vi phạm đã được Đoàn

2.2. Tại các địa phương: Tương tự như các Bộ, cơ quan ngang Bộ, hoạt động thanh tra được các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương mới bước đầu được triển khai thực hiện nên hầu hết các địa phương không báo cáo về nội dung phối hợp thanh tra hoặc có báo cáo nhưng chỉ đề cập rất chung chung, đan xen với công tác kiểm tra, kiểm tra liên ngành. Qua đó cho thấy, về cơ bản, việc phối hợp thanh tra việc THPL về XLVPHC năm 2014 ở các địa phương chưa được triển khai hoặc có sự chuẩn bị bước đầu nhưng kết quả thu được chưa thực sự rõ nét.

V. CÔNG TÁC BÁO CÁO

Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 81/2014/NĐ-CP, Báo cáo công tác THPL về XLVPHC bao gồm báo cáo 06 tháng, hàng năm. Đối với báo cáo 06 tháng, nội dung các Báo cáo gửi về Bộ Tư pháp có rất ít thông tin, cá biệt một số các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương không gửi Báo cáo. Đối với báo cáo năm 2014, các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện tương đối nghiêm túc, bài bản. Tính đến 31/12/2014, đã có 63/63 địa phương, 21/21 Bộ, cơ quan ngang Bộ đã gửi Báo cáo về Bộ Tư pháp.

Về nội dung Báo cáo công tác THPL về XLVPHC, một số Báo cáo đã nêu tương đối đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và cập nhật thông tin theo tinh thần Công văn số 4212/BTP-QLXLHC&TDTHPL ngày 06/10/2014 của Bộ Tư pháp về việc báo cáo công tác THPL về XLVPHC năm 2014. Tuy nhiên, các Báo cáo của hầu hết các Bộ, ngành, địa phương còn thiếu nội dung theo quy định, số liệu báo cáo chưa đầy đủ chính xác và chưa bảo đảm tính thống nhất nên nhiều trường hợp dù gửi Báo cáo nhưng chưa đem lại kết quả, hiệu quả cao trong việc tổng hợp, đánh giá chung về tình hình, kết quả công tác THPL về XLVPHC năm 2014.

VI. XÂY DỰNG, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC THPL VỀ XLVPHC

1. Về kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế thực hiện công tác quản lý THPL về XLVPHC

Ngày 25/10/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1950/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác THPL về XLVPHC của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương”. Đây là văn bản quan trọng, tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành tổ chức bộ máy bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC từ Trung ương đến địa phương. Trên cơ sở Quyết định số 1950/QĐ-TTg, ngày 22/12/2014, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố

thanh tra phát hiện, lập biên bản và XPVPHC. Còn việc thanh tra của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, do Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành tư pháp mới có hiệu lực từ ngày 20/7/2014 nên nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành của Cục Bổ trợ tư pháp, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực trong năm 2014 chưa triển khai thực hiện.

thuộc tỉnh, trong đó nêu rõ cơ cấu tổ chức của các Sở Tư pháp phải có Phòng QLXLVPHC&TDTHPL (quản lý công tác XLVPHC và theo dõi THPL) để bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao cho ngành Tư pháp về mảng công việc này tại các địa phương.

1.1. Về phía các Bộ, cơ quan ngang Bộ:

1.1.1. Đối với Bộ Tư pháp: Ngày 15/5/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 717/QĐ-TTg về việc thành lập Cục QLXLVPHC&TDTHPL thuộc Bộ Tư pháp; ngày 03/6/2014, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1266/QĐ-BTP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục QLXLVPHC&TDTHPL và ngày 11/7/2014, Cục QLXLVPHC&TDTHPL đã ra mắt và chính thức đi vào hoạt động. Cho đến thời điểm hiện nay, Cục QLXLVPHC&TDTHPL mới đảm nhiệm thực hiện quản lý công tác THPL về XLVPHC được khoảng 06 tháng, đang trong giai đoạn đầu, dần được kiện toàn một bước về tổ chức và bắt tay triển khai thực hiện hầu hết các nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được quy định¹⁸.

1.1.2. Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Thực hiện quy định của Luật XLVPHC, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và Quyết định số 1950/QĐ-TTg, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã chú trọng công tác kiện toàn tổ chức, bộ máy, bố trí nguồn nhân lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý thống nhất công tác THPL về XLVPHC.

Qua báo cáo của các Bộ, ngành cho thấy, đa số các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã giao cho Vụ Pháp chế là đơn vị đầu mối triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC, bố trí từ 01 đến 03 cán bộ thực hiện công tác này. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC còn thiếu về số lượng, kiêm nhiệm nhiều công việc. Do đó, khi thực hiện nhiệm vụ liên quan đến quản lý công tác THPL về XLVPHC còn có những khó khăn, vướng mắc nhất định, đặc biệt là đối với những việc tham mưu, xử lý những vụ việc liên quan đến nghiệp vụ chuyên sâu. Tính đến ngày 31/12/2014, chỉ có Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai tốt việc tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao¹⁹.

1.2. Tại các cơ quan tư pháp địa phương: Tính đến ngày 31/12/2014, mới chỉ có 03 tỉnh, thành phố thành lập được Phòng chuyên môn trực thuộc Sở Tư pháp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định²⁰. Ở một số địa phương, Sở Tư pháp đã xây dựng đề án tổ chức bộ máy, biên chế quản lý thống nhất công tác THPL về XLVPHC của cơ quan tư pháp trên địa bàn để trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, bổ sung biên chế cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện và Tư pháp cấp xã và được UBND cấp tỉnh phê duyệt, còn đa số các địa phương chưa xây dựng được đề án tổ chức bộ máy, biên chế quản lý thống nhất công tác THPL về

¹⁸ Tính đến ngày 31/12/2014, Cục QLXLVPHC&TDTHPL gồm có Cục trưởng, 01 Phó Cục trưởng với 19 công chức, viên chức và lao động hợp đồng. Cơ cấu tổ chức của Cục gồm: Phòng Quản lý XLVPHC, Phòng Theo dõi thi hành pháp luật, Phòng CSDL XLVPHC; Văn phòng và Trung tâm Thông tin pháp luật về XLVPHC và theo dõi thi hành pháp luật.

¹⁹ Bộ Công an đã giao nhiệm vụ này cho Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp (V19), thành lập Phòng 8 thuộc Cục có chức năng quản lý XLVPHC. Bộ Khoa học và Công nghệ đã giao nhiệm vụ này cho Vụ Pháp chế làm đầu mối trong công tác theo dõi thi hành pháp luật về XLVPHC và thành lập Phòng Nghiệp vụ pháp chế 2.

²⁰ Hải Phòng và Hà Nam (Phòng Quản lý XLVPHC), Đắk Lắk (Phòng Quản lý XLVPHC và TDTHPL).

XLVPHC. Tuy nhiên, các Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện đã chủ động bố trí cán bộ để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC thuộc phạm vi quản lý của địa phương và ngành (Xem Phụ lục số 05 kèm theo Báo cáo).

2. Về các điều kiện khác bảo đảm thực hiện công tác quản lý XLVPHC

Các điều kiện khác bảo đảm cho việc thực hiện quản lý công tác THPL về XLVPHC bao gồm vấn đề về kinh phí đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, trang thiết bị, phương tiện làm việc, hệ thống cơ sở dữ liệu về XLVPHC, công tác tổ chức lưu trữ hồ sơ, kho lưu trữ... là những yếu tố có ý nghĩa quan trọng để triển khai nhiệm vụ được hiệu quả, chất lượng. Tuy nhiên, do ở giai đoạn đầu của quá trình triển khai thực hiện, các điều kiện khác bảo đảm cho việc thực hiện quản lý công tác THPL về XLVPHC nhìn chung còn thiếu và chưa đồng bộ, cụ thể:

2.1. Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Do ngân sách hạn hẹp, kinh phí riêng để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC hiện nay không có. Ngoài ra, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác này còn thiếu, dẫn đến nhiều khó khăn trong hoạt động, ảnh hưởng đến chất lượng công việc được giao²¹. Tuy nhiên, trên tinh thần tiết kiệm ngân sách, một số ít các Bộ, cơ quan ngang Bộ cũng đã chủ động tháo gỡ khó khăn, tận dụng mọi cơ sở vật chất sẵn có phục vụ cho việc quản lý công tác THPL về XLVPHC²². Hiện nay, duy nhất có Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo có đầu tư riêng cơ sở vật chất cho việc quản lý công tác THPL về XLVPHC, nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện công tác này cũng được bố trí đầy đủ.

2.2. Đối với các địa phương: Ở đa số các địa phương, kinh phí, cơ sở vật chất, cơ sở dữ liệu XLVPHC, hồ sơ lưu trữ, kho lưu trữ các quyết định XPVPHC... bảo đảm cho việc triển khai quản lý công tác THPL về XLVPHC còn hạn chế; trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ chưa được trang bị đầy đủ để xác định hành vi vi phạm, nhất là các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, an toàn giao thông... Bên cạnh đó, hiện nay, do chưa có hướng dẫn cụ thể của cấp có thẩm quyền, nên kinh phí và các điều kiện, phương tiện đảm bảo hoạt động cho quản lý công tác THPL về XLVPHC chưa được bố trí, chỉ lồng ghép trong các hoạt động chuyên môn các lĩnh vực khác. Quá trình triển khai thực hiện, UBND các cấp đang sử dụng từ nguồn kinh phí chi cho hoạt động thường xuyên của mỗi cấp.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH THỰC THI, ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XLVPHC

I. TÌNH HÌNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ KẾT QUẢ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

²¹ Bộ Khoa học và Công nghệ.

²² Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trên cơ sở Báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND địa phương và các cơ quan hữu quan, Bộ Tư pháp đã tiến hành tổng hợp, xử lý các số liệu trong các phụ lục kèm theo và báo cáo các vấn đề chủ yếu trong công tác THPL về XPVPHC năm 2014. Qua đó, có thể thấy tình hình VPHC và kết quả công tác XPVPHC trên cả nước trong năm 2014 như sau:

1. Tình hình VPHC

1.1. Tổng số vụ việc vi phạm: 13.473.118 vụ.

1.2. Tổng số quyết định xử phạt: 8.893.639 quyết định.

1.3. Tổng số tiền phạt thu được: 11.883.944.685.169 đồng.

1.4. Các lĩnh vực xảy ra nhiều hành vi VPHC:

VPHC diễn ra trên mọi lĩnh vực, trên khắp các địa bàn tỉnh, thành trên cả nước. Tuy nhiên, do chưa có tiêu chí thống kê, đánh giá thống nhất nên mỗi đơn vị thống kê, đánh giá theo một tiêu chí khác nhau. Qua tổng hợp báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương trên cả nước, có thể thấy, VPHC thường diễn ra trong các lĩnh vực như: giao thông; an ninh trật tự, an toàn xã hội (TTATXH); bảo vệ môi trường (BVMT); xây dựng, đất đai; hải quan, thủ tục thuế; thương mại, sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý rừng, lâm sản... Đây là những lĩnh vực phát sinh nhiều hành vi VPHC mà hầu hết các địa phương có báo cáo, còn những lĩnh vực khác có địa phương báo cáo, có địa phương không báo cáo nên Bộ Tư pháp không có cơ sở để tổng hợp. Vì vậy, Bộ Tư pháp tổng hợp số vụ vi phạm trên cơ sở các Báo cáo nhận được trên một số lĩnh vực sau:

- Lĩnh vực an toàn giao thông: Tổng số vụ vi phạm là 4.016.933 vụ, tổng số tiền phạt là 2.365.890.000.000 đồng²³.

- Lĩnh vực an ninh TTATXH: Tổng số vụ vi phạm là 1.254.395 vụ, tổng số tiền phạt là 646.748.887.950 đồng²⁴.

- Trong lĩnh vực xây dựng, đất đai: Tổng số vụ vi phạm là 6.255 vụ, tổng số tiền phạt là 18.729.060.643 đồng²⁵.

- Trong lĩnh vực BVMT: Tổng số vụ vi phạm là 2.569 vụ, tổng số tiền phạt là 42.115.328.512 đồng²⁶.

- Trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả: Tổng số vụ vi phạm là 4.629 vụ, tổng số tiền phạt là 16.193.383.485 đồng²⁷.

- Trong lĩnh vực quản lý rừng, lâm sản: Tổng số vụ vi phạm là 4.262 vụ, tổng số tiền phạt là 21.295.268.000 đồng²⁸.

- Trong lĩnh vực hải quan, thủ tục thuế: Tổng số vụ vi phạm là 170.417 vụ, tổng số tiền phạt là 2.429.892.041.621 đồng²⁹.

²³ Theo báo cáo của Văn phòng Ủy ban ATGTQG. Tuy nhiên, theo báo cáo của Bộ Giao thông vận tải và 38 địa phương thì tổng số vụ vi phạm là 719.048 vụ, tổng số tiền phạt là 656.534.361.268 đồng.

²⁴ Theo báo cáo của Bộ Công an và 19 địa phương.

²⁵ Theo báo cáo của Bộ Xây dựng và 30 địa phương.

²⁶ Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và 14 địa phương.

²⁷ Theo báo cáo của Bộ Công thương và 11 địa phương.

²⁸ Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 9 địa phương.

1.5. Các hành vi VPHC phổ biến:

- Trong lĩnh vực giao thông, các hành vi vi phạm phổ biến là:

+ Đi không đúng phân đường, làn đường; tránh, vượt trái quy định; vi phạm quy định về tốc độ; dừng, đỗ xe trái quy định; không chấp hành tín hiệu giao thông, đi vào đường cấm, đường ngược chiều; người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm...;

+ Không có giấy phép lái xe hoặc có nhưng không phù hợp; người điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá giới hạn cho phép...;

+ Thay đổi kết cấu, thiết kế phương tiện trái phép; không đăng kiểm lại khi hết hạn; đưa phương tiện không đủ điều kiện, không bảo đảm an toàn giao thông vào lưu hành...;

+ Chở hàng quá tải; vận chuyển vật liệu xây dựng làm rơi vãi trên đường; vận chuyển hành khách vi phạm trật tự an toàn giao thông...;

+ Xe khách dừng, đón, trả khách không đúng nơi quy định; chờ quá số người; xe ô tô chở hàng rời, vật liệu rời không che phủ bạt để rơi vãi...

+ Hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa: thuyền viên làm việc trên phương tiện không có chứng chỉ nghiệp vụ; chờ hàng quá vạch dầu mớn nước an toàn; khai thác bến thủy nội địa quá thời hạn cho phép quy định trong giấy phép hoạt động; đưa phương tiện vào xếp, dỡ hàng hóa tại bến thủy nội địa chưa được cấp giấy phép hoạt động.

- Trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội các hành vi vi phạm phổ biến là: trộm cắp, gây rối trật tự công cộng, đánh nhau gây mất an ninh trật tự khu dân cư; cố ý làm hư hỏng tài sản, hủy hoại tài sản, các tệ nạn xã hội như cờ bạc, mại dâm xảy ra khá phổ biến...

- Trong lĩnh vực xây dựng, đất đai, các hành vi vi phạm phổ biến là: sử dụng đất không đúng mục đích; xây dựng không phép, sai phép, việc không trang bị bảo hộ lao động cho người lao động theo quy định, không thực hiện đúng các quy định về điều kiện năng lực hoạt động, hành nghề, không để vật liệu đúng như biện pháp thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt, không đảm bảo điều kiện thi công theo quy định; xây dựng công trình trên đất nông nghiệp; tập kết vật tư không đúng nơi quy định...

- Trong lĩnh vực môi trường, các hành vi vi phạm phổ biến là: không có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, xả thải vào nguồn nước; không giám sát quá trình khai thác, sử dụng và xả nước thải; mua bán, vận chuyển khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp; xả nước thải, khí thải vượt quá quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; thực hiện không đúng quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại; thực hiện không đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và yêu cầu trong quyết định phê duyệt báo cáo

²⁹ Theo báo cáo của Bộ Tài chính và 25 địa phương.

đánh giá tác động môi trường. Trong hoạt động của các làng nghề, các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường chủ yếu là không có hệ thống xử lý nước thải; xả trực tiếp ra các cống rãnh công cộng; phát tán mùi, bụi ra môi trường không qua thiết bị xử lý,... Đa số các cơ sở này thường có quy mô vừa và nhỏ, nằm lẫn trong khu dân cư, tồn tại hoạt động lâu năm do đó việc di dời về nơi tập trung rất khó khăn.

- Trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả, các hành vi vi phạm phổ biến là: kinh doanh hàng cấm (thuốc lá điều ngoại nhập lậu); vận chuyển, buôn bán hàng giả (gas, phân bón...), hàng kém chất lượng; vận chuyển hàng hóa không hóa đơn, chứng từ....

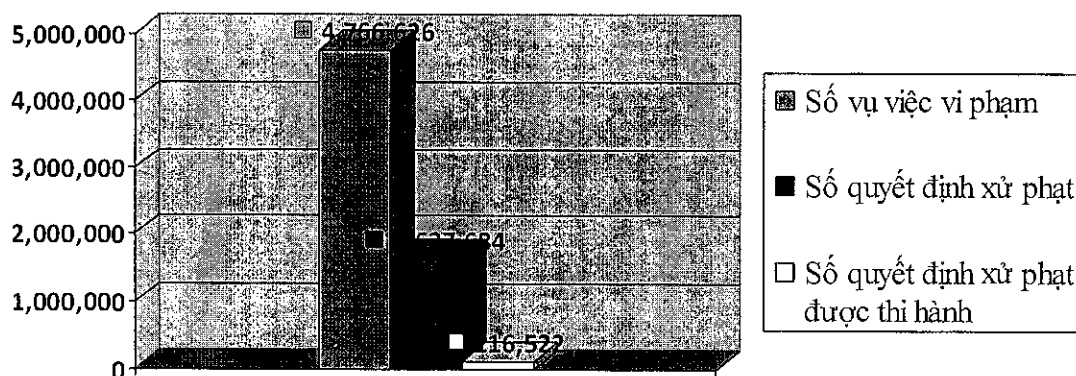
- Trong lĩnh vực quản lý rừng, lâm sản, các hành vi vi phạm phổ biến là: khai thác tài nguyên rừng, việc chặt phá rừng đặc dụng, rừng sản xuất để làm rẫy, trồng cao su vẫn diễn biến khá phức tạp, đặc biệt đối với các khu vực rừng phòng hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, khai thác các loài cây cổ thụ trong rừng tự nhiên về làm cây cảnh cũng đang trong tình trạng báo động. VPHC liên quan đến động vật hoang dã, quý hiếm vẫn diễn biến phức tạp trên địa bàn hoạt động rộng. Đối tượng săn bắt, vận chuyển, kinh doanh trái phép động vật hoang dã và sản phẩm của chúng còn diễn ra nhiều nơi với thủ đoạn tinh vi, khó kiểm soát...

- Trong lĩnh vực hải quan, thủ tục thuế, các hành vi vi phạm phổ biến là: hành vi kê khai sai do chưa nắm rõ chính sách pháp luật về thuế; trốn thuế, nộp chậm thuế; khai, nộp hồ sơ hải quan không đúng thời hạn quy định; khai báo sai tên hàng, mã số, xuất xứ; tự ý niêm phong hải quan...

2. Kết quả XPVPHC

2.1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ:

- Về kết quả XPVPHC: Theo báo cáo của 18 Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổng số vụ việc vi phạm đã được phát hiện là 4.766.626 vụ việc, các cơ quan có thẩm quyền đã ra 1.637.684 quyết định xử phạt, đã thi hành xong 116.522 quyết định³⁰ (Biểu đồ 01).



Biểu đồ 01. Tình hình XPVPHC tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ

³⁰ Thiếu số liệu về số lượng quyết định xử phạt đã được thi hành của Bộ Công an.

- Về việc thi hành quyết định XPVPHC: Tổng số tiền phạt thu được là 5.254.473.450.824 đồng; tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu là 139.342.828.656 đồng.

- Về việc áp dụng biện pháp thay thế XPVPHC (nhắc nhở) đối với người chưa thành niên vi phạm: 945 trường hợp.

- Về số hồ sơ có dấu hiệu tội phạm được chuyển để truy cứu trách nhiệm hình sự: 3.915 trường hợp.

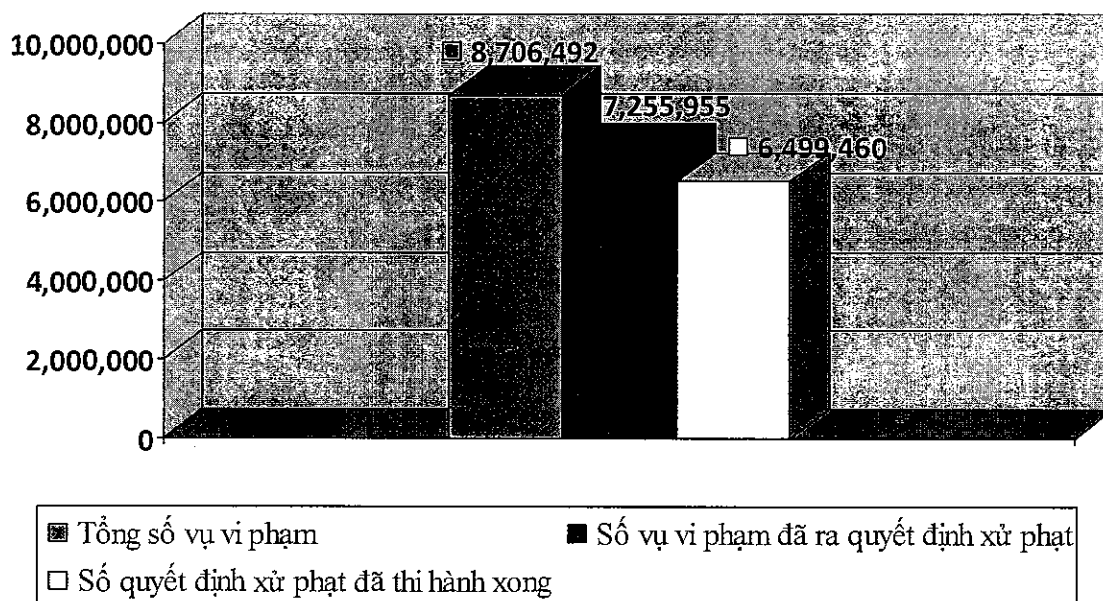
Kết quả công tác XPVPHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ được thể hiện cụ thể tại Phụ lục số 06 kèm theo Báo cáo này.

2.2. Tại các địa phương:

Đa số các tỉnh, thành phố chỉ báo cáo số vụ vi phạm bị phát hiện và xử lý, đối tượng vi phạm; các nội dung còn lại như việc áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, biện pháp ngăn chặn và bảo đảm XPVPHC... hầu như không được báo cáo. Cụ thể như sau:

2.2.1. Số vụ việc VPHC bị phát hiện và xử phạt:

- Tổng số vụ việc VPHC bị phát hiện và xử phạt: 8.706.492 vụ việc, ra 7.255.955 quyết định XPVPHC, đã thi hành xong 6.499.460 quyết định xử phạt (Biểu đồ 02).



Biểu đồ 02. Tình hình XPVPHC tại các địa phương

- Về đối tượng bị xử phạt: 3.434.972 cá nhân và tổ chức, trong đó có 3.390.669 cá nhân (chiếm khoảng 99%) và 44.303 tổ chức (chiếm khoảng 1%)³¹.

- Việc áp dụng các hình thức xử phạt: Hình thức xử phạt được áp dụng chủ yếu là phạt tiền, chiếm tỷ lệ cao trong các hình thức xử phạt được áp dụng tại địa phương. Ngoài ra, đối với hai hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ

³¹ Số liệu được thống kê từ 31/63 địa phương có báo cáo nội dung này. Nhìn chung, nội dung này không được các địa phương thống kê đầy đủ, có địa phương báo cáo, có địa phương không báo cáo, có địa phương báo cáo chung chung (không tách đối tượng là tổ chức và cá nhân).

hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn và tịch thu tang vật, phương tiện VPHC cũng được áp dụng trong XLVPHC ở một số lĩnh vực như giao thông đường bộ, khoáng sản, lâm nghiệp. Hai hình thức xử phạt này thường được thể hiện trong quyết định xử phạt dưới hình thức xử phạt bổ sung. Hình thức xử phạt cảnh cáo, trực xuất rất ít khi được áp dụng.

- Việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Trong số các biện pháp khắc phục hậu quả, ba biện pháp được áp dụng phổ biến nhất là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép và buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại.

- Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm XLVPHC: Biện pháp ngăn chặn được áp dụng nhiều nhất tại các địa phương trong XLVPHC đó là tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

2.2.2. Về kết quả thi hành quyết định XPVPHC:

- Tổng số tiền phạt thu được: 6.629.471.234.345 đồng.

- Tổng giá trị tang vật, phương tiện VPHC bị tịch thu: 244.401.452.399 đồng³².

- Số lượng giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng có thời hạn: 352.654.

- Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn: 220.812.

- Số lượng quyết định xử phạt chưa được thi hành và số vụ bị cưỡng chế thi hành: Việc thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC còn gặp nhiều khó khăn, chưa triệt để, còn một số lượng không nhỏ quyết định chưa được chấp hành (445.009 trường hợp), ước tính khoảng 6.1% tổng số các quyết định xử phạt đã ban hành³³. Số vụ bị cưỡng chế thi hành là 5.592 trường hợp, chiếm tỷ lệ khoảng 0,08% tổng số các quyết định xử phạt đã ban hành³⁴.

- Số quyết định hoãn, giảm, miễn thi hành phạt tiền: 5.498 quyết định, chiếm tỷ lệ khoảng 0.07 % tổng số các quyết định xử phạt đã ban hành.

- Số vụ bị khiếu nại, khởi kiện: 618 vụ, chiếm 0.009 % các quyết định xử phạt.

³² Theo thống kê sơ bộ từ 33/63 địa phương. Nội dung này không được các địa phương báo cáo một cách thống nhất, đầy đủ, có địa phương báo cáo tổng số lượng tang vật, phương tiện bị tịch thu, có địa phương báo cáo tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu, có địa phương không báo cáo.

³³ Nguyên nhân của việc chưa chấp hành các quyết định xử phạt chủ yếu là do: đối tượng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; một số đối tượng không tự giác chấp hành; có những đối tượng lại không có việc làm ổn định, bỏ địa phương đi làm ăn xa; một số trường hợp vi phạm không bị tạm giữ phương tiện, giấy tờ nên không ít các đối tượng không chấp hành quyết định xử phạt ...

³⁴ Người có thẩm quyền xử phạt thường ít áp dụng biện pháp cưỡng chế vì công tác cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC thường phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, cần phải có sự phối hợp của nhiều cơ quan cùng thực hiện, do đó, tổ chức triển khai công tác này trên thực tế tại địa phương còn hạn chế.

- Về việc áp dụng biện pháp thay thế XPVPHC (biện pháp nhắc nhở) đối với người chưa thành niên vi phạm: có 26.488 trường hợp áp dụng biện pháp này³⁵.

- Về số hồ sơ có dấu hiệu tội phạm được chuyển để truy cứu trách nhiệm hình sự: 7.843 trường hợp³⁶.

- Số quyết định xử phạt đã thi hành xong: 6.499.460 quyết định, chiếm tỷ lệ khoảng 90% tổng số các quyết định xử phạt đã ban hành.

Kết quả công tác XPVPHC của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thể hiện cụ thể tại Phụ lục số 07 kèm theo Báo cáo này.

II. TÌNH HÌNH ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH VÀ CÁC BIỆN PHÁP THAY THẾ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Về biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Trong số các biện pháp xử lý hành chính thì đây là biện pháp được áp dụng trên thực tế nhiều nhất, chiếm đến hơn 70% trong tổng số quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính. Biện pháp này cũng là tiền đề để các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (CSGDBB) hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (CSCNBB) trong trường hợp đối tượng bị áp dụng tiếp tục có hành vi vi phạm sau này.

Trong năm 2014, công tác lập hồ sơ, xét duyệt, quyết định áp dụng biện pháp GDTXPTT trên địa bàn các địa phương trong cả nước nhìn chung đã bảo đảm thực hiện đúng đối tượng, đúng pháp luật, kịp thời đưa đối tượng chấp hành quyết định, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh trật tự, an toàn xã hội của chính quyền cơ sở và nhận được sự đồng tình của đông đảo quần chúng nhân dân cũng như chính bản thân người bị xử lý và thân nhân, gia đình họ. Quá trình xử lý hành chính đã kết hợp với công tác tuyên truyền, giáo dục để người dân nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật, góp phần giảm thiểu những trường hợp khác, phòng ngừa vi phạm.

Việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính GDTXPTT đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục; đảm bảo nhanh chóng, công khai, khách quan, công bằng; đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng hành vi vi phạm theo quy định pháp luật. Vì vậy, có rất ít trường hợp khiếu nại, khởi kiện khi bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính GDTXPTT (tính cả các biện pháp xử lý hành chính do TAND quyết định áp dụng thì số vụ khiếu nại, khởi kiện cũng chỉ chiếm 0,1 % trong tổng số các vụ việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính).

2. Về các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân quyết định

Từ ngày 01/01/2014, quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng (TGD), đưa vào CSGDBB và đưa vào CSCNBB do TAND xem xét, quyết định có hiệu lực. Ngày 20/01/2014, Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân cũng

³⁵ Có 42/63 địa phương báo cáo về nội dung này.

³⁶ Có 51/63 địa phương báo cáo về nội dung này.

đã được ban hành và có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn thi hành, các loại biểu mẫu áp dụng chưa được ban hành đầy đủ và kịp thời đã gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp XLVPHC. Qua báo cáo của các địa phương, việc thực hiện Luật XLVPHC và các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật về các biện pháp đưa vào TGD, đưa vào CSGDBB, đưa vào CSCNBB tại một số tỉnh, thành phố chưa được triển khai hoặc mặc dù đã triển khai nhưng chưa đạt hiệu quả. Trong năm 2014, nhiều địa phương báo cáo chưa triển khai áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do TAND quyết định³⁷, một số địa phương mặc dù đã tiến hành việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đối với các đối tượng theo quy định tại Luật XLVPHC, Pháp lệnh số 09/PL-UBTVQH13 ngày 20/1/2014 của UBTV Quốc hội và các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật nhưng các TAND cấp huyện lại chưa ra quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đối với bất kỳ đối tượng nào³⁸. Điều này dẫn đến tình trạng các đối tượng vi phạm bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (đưa vào TGD, đưa vào CSGDBB, đưa vào CSCNBB) vẫn chưa bị xử lý. Sự “ùn tắc” trong thủ tục lập hồ sơ đề nghị, xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng các đối tượng vi phạm, đặc biệt là các đối tượng nghiện ma túy ở ngoài cộng đồng ngày càng tăng, gia tăng các nguy cơ phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật như trộm cắp, cướp giật, tiêm chích ma túy nơi công cộng, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở một số địa phương trong thời gian vừa qua³⁹.

3. Kết quả áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Tính đến ngày 31/12/2014, Bộ Tư pháp nhận được báo cáo về tình hình áp dụng các biện pháp XLVPHC của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và 63/63 UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Kết quả áp dụng các biện pháp XLVPHC tại các địa phương trên cả nước như sau:

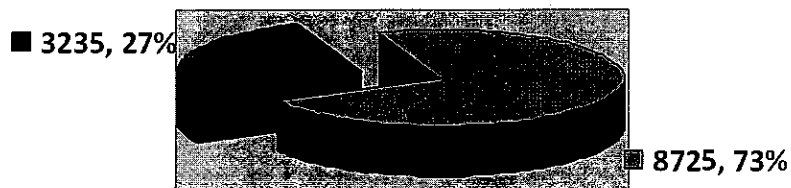
3.1. Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 11.960 đối tượng, trong đó:

- Số lượng đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp GDTXPTT: **8.725** đối tượng, chiếm khoảng 73% số đối tượng bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính;
- Số lượng đối tượng bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do TAND quyết định: **3.235** đối tượng, chiếm khoảng 27% số đối tượng bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (Biểu đồ 03).

³⁷ Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bến Tre, Bình Thuận, Hải Phòng, Hà Giang, Kon Tum, Lai Châu, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thái Bình...

³⁸ An Giang, Hòa Bình, Ninh Thuận...

³⁹ Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.



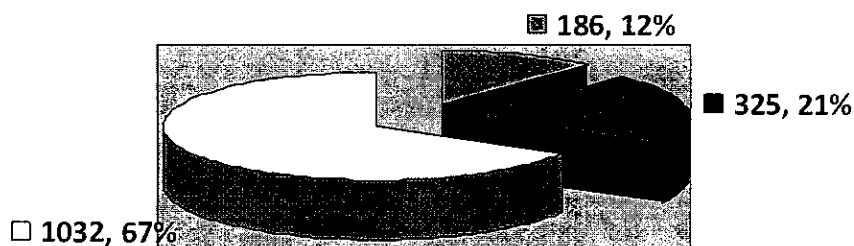
- Số lượng đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn
- Số lượng đối tượng bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do TAND quyết định

Biểu đồ 03. Số lượng hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

3.2. Tổng số quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 8.734 quyết định⁴⁰, trong đó:

- Số lượng quyết định của UBND cấp xã áp dụng biện pháp xử lý hành chính GDTXPTT: **7.191** quyết định (Biểu đồ 05);

- Số lượng quyết định của TAND cấp huyện áp dụng các biện pháp đưa vào TGD, đưa vào CSGDBB và đưa vào CSCNBB: **1.543** đối tượng. Trong số **1.543** quyết định của TAND cấp huyện có 186 quyết định áp dụng biện pháp đưa vào TGD, 325 quyết định đưa vào CSGDBB và 1.032 quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc⁴¹ (Biểu đồ 04).



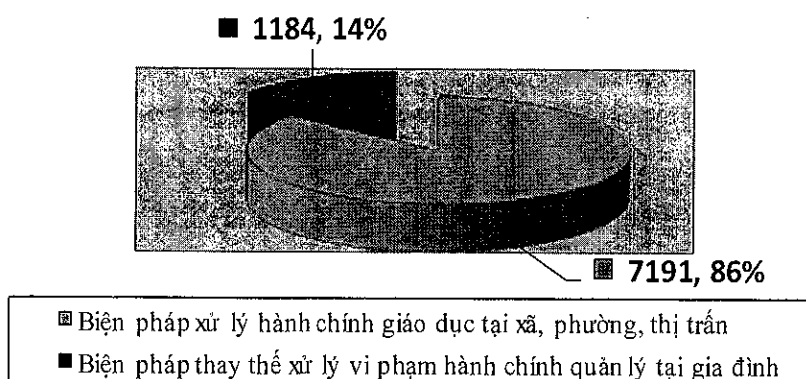
- Đưa vào trường giáo dưỡng
- Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc
- Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Biểu 04. Số lượng quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của TAND cấp huyện

⁴⁰ Do thời điểm lấy số liệu báo cáo là từ ngày 01/10/2013 đến ngày 30/9/2014 nên trong tổng số 8.734 quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính kể trên, có một số quyết định được áp dụng trước ngày 01/01/2014, căn cứ vào Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) và một số quyết định được áp dụng từ ngày 01/01/2014, căn cứ vào Luật XLVPHC. Chỉ có một số địa phương có sự tách bạch vấn đề này trong báo cáo: Đà Nẵng, Lạng Sơn.

⁴¹ Riêng về biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, theo Báo cáo số 4929/LĐTĐ-BHXH-PC ngày 24/12/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đến tháng 9 năm 2014, chỉ có 10 tỉnh tổ chức đưa được 33 người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định của TAND cấp huyện. Con số trên là quá ít so với số lượng người nghiện ma túy ở nước ta hiện nay. Theo báo cáo rà soát, quản lý người nghiện của Bộ Công an (được nêu trong Báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), đến tháng 10/2014, cả nước có 204.377 người nghiện ma túy.

3.3. Tổng số quyết định áp dụng biện pháp thay thế XLVPHC quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên: 1.184 quyết định (trong tổng số 8.375 quyết định của UBND cấp xã) (Biểu đồ 05).



Biểu 05. Tổng số quyết định của UBND cấp xã

3.4. Tình hình tổ chức thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định:

- Số quyết định chưa được thi hành: 27 quyết định, chiếm khoảng 1,6 % tổng số quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính của TAND.
- Số lượng đối tượng đang chấp hành quyết định: 836 đối tượng.
- Số lượng đối tượng được giảm thời hạn chấp hành quyết định: 49 đối tượng, chiếm 3,2 %.
- Số lượng đối tượng được tạm đình chỉ chấp hành quyết định: 17 đối tượng, chiếm 1,1 %.
- Số lượng đối tượng được miễn chấp hành phần thời gian còn lại: 94 đối tượng, chiếm 6,1 %.
- Số lượng đối tượng được hoãn chấp hành quyết định: 5 đối tượng, chiếm 0,3 %.

3.5. Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu, không còn khả năng lao động được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội: 57 đối tượng.

3.6. Số vụ bị khiếu nại, khởi kiện: 12 vụ, chiếm 0,1 % tổng số vụ việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

III. NHẬN XÉT VỀ TÌNH HÌNH VPHC VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC XLVPHC NĂM 2014

1. Về tình hình VPHC và kết quả công tác XPVPHC

Thứ nhất, qua thời gian triển khai thực hiện⁴², công tác XPVPHC theo quy định của Luật XLVPHC đang dần đi vào nề nếp, các vụ việc xảy ra nhìn chung được phát hiện và xử lý kịp thời, trình tự, thủ tục xử phạt thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật, xử phạt đúng người, đúng hành vi vi phạm, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước. Việc XPVPHC trong thời gian qua đã góp phần quan trọng trong việc bảo đảm an ninh, TTATXH, hậu quả do hành vi vi phạm gây ra được khắc phục kịp thời, góp phần đảm bảo việc lập lại trật tự pháp luật, thiết lập kỷ cương, ổn định xã hội, phát triển kinh tế.

Thứ hai, vẫn còn một số lượng đáng kể quyết định XPVPHC chưa được thi hành dẫn đến tình trạng pháp luật về XPVPHC chưa được chấp hành nghiêm, phần nào làm giảm hiệu quả của công tác đấu tranh, phòng ngừa vi phạm pháp luật.

Thứ ba, VPHC diễn ra trên mọi lĩnh vực, trên khắp các địa bàn tỉnh, thành trên cả nước, số lượng hành vi VPHC rất lớn, chủ yếu diễn ra trong các lĩnh vực như: giao thông; an ninh trật tự, an toàn xã hội; môi trường; xây dựng, đất đai; hải quan, thủ tục thuế; thương mại, sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý rừng, lâm sản...

Thứ tư, hành vi VPHC có tính chất nghiêm trọng, vụ việc VPHC phức tạp diễn ra chủ yếu ở các lĩnh vực đất đai, xây dựng, môi trường. Việc XPVPHC đối với các hành vi này trên thực tế thường gặp nhiều khó khăn do sự phản ứng của các đối tượng vi phạm, nhiều trường hợp chống đối hoặc chây ỳ, không chấp hành quyết định xử phạt, có trường hợp chỉ chấp hành quyết định xử phạt tiền mà không chấp hành các biện pháp khắc phục hậu quả. Đây cũng là lĩnh vực VPHC thường dễ nảy sinh những khiếu nại, khởi kiện liên quan đến quyết định xử phạt của người có thẩm quyền.

Thứ năm, các hành vi VPHC thường diễn ra chủ yếu ở các tỉnh, thành phố lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai... Đây là những địa phương có điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển, thu hút đầu tư của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước, tập trung nhiều lao động làm việc trong các doanh nghiệp (kể cả lao động người nước ngoài), song bên cạnh đó cũng dẫn tới hệ quả phát sinh VPHC trên địa bàn diễn biến hết sức phức tạp, quản lý công tác THPL về XLVPHC do vậy cũng gặp nhiều khó khăn hơn.

2. Về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Nhìn chung, việc tổ chức triển khai áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật XLVPHC chưa thật sự nghiêm túc do Luật XLVPHC có nhiều quy định mới, phức tạp, các địa phương ngại thực hiện hoặc lúng túng trong quá trình triển khai. Điều này thể hiện qua số liệu về các vụ VPHC bị đề nghị áp dụng các biện pháp hành chính năm 2014 là rất ít, chủ yếu là các vụ vi phạm xảy ra trước 01/01/2014 và được xem xét, áp dụng theo quy định của Pháp lệnh XLVPHC năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2008). Bên cạnh đó, công tác phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong thực tiễn THPL về các biện pháp xử lý hành chính thời gian qua chưa đồng bộ, chặt chẽ.

⁴² Tính từ ngày 01/7/2013 đến nay.

Phần thứ ba

NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU TRONG QUÁ TRÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

I. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Những khó khăn, vướng mắc trong các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được nêu cụ thể tại Phụ lục số 09 kèm theo Báo cáo. Dưới đây, Báo cáo chỉ nêu khái quát một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Những khó khăn, vướng mắc chủ yếu về XPVPHC

1.1. Những khó khăn, vướng mắc chủ yếu xuất phát từ quy định của Luật XLVPHC:

1.1.1. Một số quy định của Luật XLVPHC chưa phù hợp với thực tiễn:

- Vấn đề thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC bị giới hạn bởi thẩm quyền phạt tiền (Từ Điều 38 đến Điều 51)⁴³.
- Về biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Điều 122)⁴⁴.
- Về quy định người ra quyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải ký đóng dấu vào quyết định tạm giữ (Khoản 9 Điều 125).
- Về quy định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC là chỗ ở thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch UBND cấp huyện (khoản 2 Điều 129)⁴⁵.

1.1.2. Một số quy định của Luật XLVPHC chưa cụ thể, rõ ràng, dẫn đến nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau:

- Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới quyết định xử phạt (Khoản 3 Điều 18).
- Về thời hạn ra quyết định xử phạt (khoản 1 Điều 66).
- Vấn đề thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC của tổ chức VPHC (khoản 1 Điều 52)⁴⁶.
- Vấn đề giao quyền (Điều 54; khoản 2 Điều 87 và khoản 2 Điều)⁴⁷.
- Thủ tục định giá tang vật (Điều 60)⁴⁸.
- Về quy định xử lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để VPHC thuộc trường hợp bị tịch thu (khoản 1 Điều 126).

⁴³ Bộ Tài chính

⁴⁴ Hà Tĩnh, Tiền Giang, Kiên Giang, Đắk Lắk, Cà Mau, Bộ Quốc phòng, Hải Phòng, Điện Biên

⁴⁵ Bộ Quốc phòng

⁴⁶ Bộ Công thương, Lạng Sơn; Quảng Ninh, Tiền Giang, Gia Lai

⁴⁷ Bộ Công thương

⁴⁸ Bộ Tài chính

1.2. Những khó khăn, vướng mắc chủ yếu xuất phát từ quy định của các Nghị định quy định chi tiết Luật XLVPHC:

1.2.1. Quy định về các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP sử dụng trong XPVPHC còn nhiều bất cập:

- Thiếu biểu mẫu Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả⁴⁹.

- Mẫu Quyết định số 02 - Quyết định XPVPHC không phù hợp với thể thức văn bản hành chính quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

- Mẫu biên bản số 01 - Biên bản VPHC.

- Mẫu biên bản số 06 - Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện VPHC⁵⁰.

1.2.2. Những khó khăn, vướng mắc liên quan đến các Nghị định khác:

- Trong 08 tháng đầu năm 2014, một số Nghị định xử phạt lĩnh vực chuyên ngành chưa kịp ban hành, do đó tạo ra những khoảng trống trong quá trình triển khai thi hành Luật (Nghị định về XPVPHC trong lĩnh vực đất đai và tiền tệ, ngân hàng).

- Một số Nghị định quy định về thẩm quyền xử phạt của những người có thẩm quyền xử phạt chung như lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, cơ quan Quản lý thị trường... nhưng không gắn với từng hành vi vi phạm tại các điều, khoản, điểm cụ thể mà chỉ nêu một cách chung chung, gây khó khăn cho việc thực hiện trên thực tế.

2. Một số khó khăn, vướng mắc trong các quy định pháp luật về biện pháp xử lý hành chính

2.1. Về điều kiện áp dụng các biện pháp XLHC:

Quy định về số lần vi phạm bị XPVPHC trong thời hạn quy định 06 tháng là điều kiện áp dụng biện pháp GDTXPTT, đưa vào TGD, CSGDBB có sự không thống nhất giữa Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp XLHC GDTXPTT (Nghị định số 111/2013/NĐ-CP) và Luật XLVPHC⁵¹.

2.2. Về trình tự, thủ tục:

- Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp GDTXPTT gặp nhiều khó khăn, hạn chế do quy định thời gian của 02 lần vi phạm quá ngắn, rất khó có đối tượng để áp dụng biện pháp này⁵².

- Công tác lập hồ sơ đưa vào TGD, CSGDBB theo Luật XLVPHC cũng quy định số lần vi phạm nhiều hơn và khoảng cách giữa các lần vi phạm cũng ngắn hơn so với quy định trước đây của Pháp lệnh XLVPHC. Qua thực tiễn áp dụng cho

⁴⁹ Quảng Nam, Đồng Nai

⁵⁰ Hà Nam, Thái Nguyên

⁵¹ Bình Thuận, Đà Nẵng

⁵² Đà Nẵng

thấy, quy định của Luật XLVPHC và các văn bản liên quan về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là chưa thật sự phù hợp⁵³.

- Trình tự, thủ tục lập hồ sơ người nghiện ma túy để chuyển sang TAND cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào CSCNBB quá phức tạp⁵⁴.

- Về quy định cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB (khoản 3 Điều 103 của Luật XLVPHC và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp XLHC đưa vào CSCNBB).

- Về quy định quy định trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB phải có văn bản xác định tình trạng nghiện của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB (Điều 103 Luật XLVPHC và Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP)⁵⁵.

- Về quy định trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB phải có “Giấy xác nhận hết thời gian cai nghiện ma túy tại gia đình hoặc cai nghiện ma túy tại cộng đồng” (điểm e khoản 1 Điều 9 NĐ số 221/2013/NĐ-CP).

- Về quy định giao cho gia đình hoặc tổ chức xã hội (đối với người không có nơi cư trú ổn định) quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB (Điều 131 của Luật XLVPHC và Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP)⁵⁶.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN LUẬT XLVPHC VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

1. Các điều kiện bảo đảm thi hành Luật chưa đầy đủ

1.1. Về cơ sở vật chất, kỹ thuật:

- Để triển khai công tác THPL về XPVPHC, việc xây dựng và đầu tư cơ sở vật chất là nhiệm vụ quan trọng, không thể tách rời. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế hiện nay, khi ngân sách nhà nước đang chịu nhiều áp lực từ nhu cầu của nhiều cấp, nhiều ngành, việc đầu tư nguồn lực vật chất cho công tác THPL về XLVPHC gặp rất nhiều khó khăn. Hơn nữa, việc đầu tư nguồn lực vật chất không chỉ phụ thuộc vào khả năng ngân sách mà còn tùy thuộc vào nhận thức và năng lực tổ chức triển khai thực hiện của các Bộ, ngành, địa phương. Thực tế hiện nay, cơ sở vật chất, kỹ thuật dành cho công tác THPL về XLVPHC còn rất thiếu thốn; điều kiện về phương tiện, công nghệ thông tin, trang thiết bị chưa bảo đảm; chưa huy động được các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia hỗ trợ cho tổ chức THPL,

⁵³ Đồng Tháp

⁵⁴ Thành phố Hồ Chí Minh

⁵⁵ An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh

⁵⁶ Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Đà Nẵng

không bảo đảm an toàn cho người và phương tiện khi đi công tác, có nhiều trường hợp đối tượng vi phạm không hợp tác, chống lại lực lượng tuần tra kiểm tra⁵⁷.

- Đối với việc xây dựng cơ sở dữ liệu về XPVPHC: Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia được thực hiện theo Nghị định quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC, tuy nhiên, đến nay Nghị định này vẫn chưa được Chính phủ ban hành, gây khó khăn trong việc thống kê số liệu để xây dựng báo cáo về tình hình THPL về XLVPHC⁵⁸.

1.2. Về tổ chức bộ máy, biên chế:

- Quyết định số 1950/QĐ-TTg đã quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức biên chế của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và Tư pháp - Hộ tịch cấp xã trong việc tham mưu cho UBND cùng cấp quản lý công tác THPL về XLVPHC tại địa phương. Tuy nhiên công tác này hiện nay chưa được triển khai thực hiện vì việc bổ sung biên chế hết sức khó khăn trong quá trình cải cách hành chính, cải cách bộ máy hiện nay.

- Khó khăn lớn nhất trong việc thực hiện pháp luật về XLVPHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương là không có đủ lực lượng triển khai thực hiện, quản lý; đồng thời nhiều công chức kiêm nhiệm, lại chưa được đào tạo bài bản về nghiệp vụ XLVPHC chuyên ngành, nên việc triển khai thực hiện THPL về XLVPHC còn chưa thật sự đạt hiệu quả cao⁵⁹.

- Trình độ hiểu biết pháp luật về XLVPHC của một bộ phận cán bộ và người dân còn hạn chế, do vậy dẫn đến tình trạng vi phạm và XLVPHC còn chưa đáp ứng so với yêu cầu. Một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm tới công tác XLVPHC, nên việc chỉ đạo, phân công cán bộ, phòng chuyên môn còn hạn chế⁶⁰. Các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử phạt còn lúng túng và có sự sai sót về căn cứ áp dụng xử lý giữa Pháp lệnh XLVPHC và Luật XLVPHC⁶¹.

2. Về công tác kiểm tra, thanh tra

- Ở một số địa phương, đơn vị chưa có sự phân biệt rõ phạm vi kiểm tra giữa các đoàn kiểm tra (như đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh, đội quản lý thị trường trên địa bàn huyện, đoàn kiểm tra liên ngành huyện) nên trong quá trình kiểm tra có sự trùng lặp, chồng chéo⁶². Bên cạnh đó thì đội ngũ công chức phụ trách kiểm tra chuyên ngành còn ít, một số đơn vị còn kiêm nhiệm, chưa được đào tạo nghiệp vụ thanh tra thường xuyên, một số cơ quan có thẩm quyền XLVPHC chưa kiến nghị và kịp thời xử lý vi phạm⁶³.

⁵⁷ Bắc Ninh, Bộ Quốc phòng, Bình Dương, Quảng Trị, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Bình, Bắc Giang, Bình Dương, Thanh Hóa

⁵⁸ Hải Phòng, Hà Nội

⁵⁹ Bộ Thông tin và Truyền thông, Bắc Ninh; Bình Dương, Thanh Hóa, Lạng Sơn, Bắc Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Hưng Yên

⁶⁰ Bắc Giang, Bình Dương, Phú Thọ, Bắc Ninh

⁶¹ Nghệ An

⁶² Sóc Trăng

⁶³ Kiên Giang

- Một số địa phương chưa thực sự quan tâm đến tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành như công tác cán bộ, tổ chức đội ngũ Thanh tra viên tại các ngành, đơn vị, tới công tác kiểm tra, thanh tra nên vi phạm chậm phát hiện, nhiều trường hợp chỉ lập biên bản đình chỉ, không ra quyết định XPVPHC, chưa chủ động trong việc đôn đốc, khắc phục vi phạm⁶⁴.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

Công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về XLVPHC chưa đáp ứng với yêu cầu thực tế, chưa tập trung đúng đối tượng. Cơ chế phối hợp với các ngành, đoàn thể tại địa phương còn hạn chế, việc tuyên truyền chưa thực sự sâu rộng trong nhân dân, nhất là nhân dân ở vùng sâu, vùng xa; hình thức phổ biến mang tính đại trà như hội nghị, băng rôn, tờ gấp, khẩu hiệu, đài phát thanh,... chưa đa dạng về mặt hình thức để phù hợp với từng đối tượng riêng biệt dẫn đến tình trạng một số người dân chưa nắm bắt được các quy định về XLVPHC⁶⁵.

Việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giúp UBND các cấp thực hiện công tác quản lý nhà nước về XLVPHC là yêu cầu cần thiết. Từ khi Luật có hiệu lực đến nay việc tập huấn, bồi dưỡng từ các Bộ, ngành Trung ương mặc dù đã được Bộ Tư pháp tích cực triển khai thực hiện nhưng vẫn là chưa đủ để đáp ứng nhu cầu, vì Luật XLVPHC có rất nhiều điểm mới so với Pháp lệnh XLVPHC và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có số lượng rất đồ sộ. Do đó, việc tổ chức thi hành còn nhiều lúng túng, chưa đạt hiệu quả. Nhất là trong trường hợp phải tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các biểu mẫu, quy định để áp dụng cho việc XLVPHC phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương⁶⁶ và các trường hợp áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do TAND cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong XLVPHC chưa hiệu quả

- Công tác phối hợp giữa các ngành, chức năng có liên quan, các cấp trong công tác XLVPHC nhiều lúc chưa đồng bộ, chặt chẽ, có nơi còn bộc lộ sự thiếu thống nhất, đồng bộ và hiệu quả chưa cao, đặc biệt là trong trường hợp phối hợp kiểm tra, xử lý các vụ việc VPHC kéo dài về thời gian như đối với những vụ việc VPHC cần phải tham mưu UBND thì khi ra quyết định XPVPHC đã hết thời hạn, thời hiệu⁶⁷.

- Việc phân định thẩm quyền XLVPHC: trong một số trường hợp, việc XLVPHC không được thực hiện kịp thời, hiệu quả; có nhiều cơ quan quản lý nhà nước về một số sản phẩm, dịch vụ... do đó, khi phát hiện hành vi VPHC cần được

⁶⁴ Thái Bình, Bắc Giang, An Giang

⁶⁵ Ninh Bình, Thái Bình, Bắc Giang, Đồng Tháp, Thanh Hóa, Bình Dương, Nam Định, Hà Nam, Bắc Ninh, Bắc Kạn, Kiên Giang, Quảng Nam, Tuyên Quang, Tây Ninh, Phú Thọ, Bắc Ninh, Nghệ An, Hưng Yên, Quảng Trị, Bộ Tư pháp

⁶⁶ Bình Định, Ninh Thuận, Tây Ninh, Quảng Ngãi, Điện Biên, Bắc Ninh, Lai Châu, Nghệ An, Hậu Giang

⁶⁷ Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Giang, Đồng Tháp, Thái Bình, Bình Dương, Thanh Hóa, Bắc Ninh, Bộ Công an, Bình Định, Ninh Thuận, Quảng Nam, Tuyên Quang, Tây Ninh, Bắc Ninh, Hưng Yên

xử lý thì các cơ quan dồn đẩy trách nhiệm cho nhau, như trong lĩnh vực quảng cáo, hàng hóa⁶⁸.

- Công tác phối hợp trong việc triển khai thực hiện giữa gia đình và chính quyền địa phương, giữa các cơ quan chức năng và tổ chức xã hội có liên quan trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính chưa hiệu quả, chưa đồng bộ.

5. Về việc báo cáo, thống kê

Việc báo cáo, thống kê chưa được thường xuyên và không đầy đủ. Hiện nay, Bộ Tư pháp chưa có hướng dẫn cụ thể về phạm vi và các chỉ tiêu thống kê tình hình XPVPHC nên chưa có sự thống nhất giữa các Bộ, ngành trong việc thống kê số liệu này. Biểu mẫu tổng hợp số liệu (đính kèm Công văn số 4212/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 06/10/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về báo cáo công tác THPL về XLVPHC năm 2014) sử dụng tạm thời cho năm 2014 được triển khai quá sát với thời hạn xây dựng báo cáo hàng năm. Do đó, các cơ quan có trách nhiệm báo cáo không kịp triển khai tới tất cả các đơn vị trực thuộc để tổng hợp toàn diện⁶⁹.

6. Những khó khăn, vướng mắc khác

6.1. Khó khăn trong việc XPVPHC

- Một số lĩnh vực xảy ra vi phạm thường xuyên: an ninh trật tự, trật tự an toàn giao thông, đối tượng vi phạm có thái độ chống đối người thi hành công vụ, chạy thoát hoặc tẩu tán tang vật, phương tiện vi phạm nên việc xác định đối tượng vi phạm để xử lý vi phạm gặp nhiều khó khăn⁷⁰.

- Việc phát hiện các hành vi VPHC trong một số lĩnh vực còn khó khăn, chưa kịp thời, vì có nhiều trường hợp khi phát hiện VPHC thì cơ quan, người có thẩm quyền không xử phạt được do các vụ việc đã hết thời hiệu xử phạt hoặc cá nhân, tổ chức cố tình vi phạm, trốn tránh để không bị xử lý⁷¹.

- Việc XPVPHC chỉ chú trọng vào các hình thức xử phạt chính, chưa chú trọng vào các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả⁷².

6.2. Khó khăn trong việc thi hành QĐXPVPHC, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, cưỡng chế thi hành QĐXPVPHC:

- Về vấn đề thi hành quyết định XPVPHC và cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC: trên thực tế xảy ra nhiều trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã ra quyết định XPVPHC nhưng người vi phạm không chấp hành quyết định xử phạt bởi vì nhiều trường hợp đối tượng phải thi hành quyết định xử phạt là người lao động tự do, dân nhập cư từ địa phương khác, không có nơi cư trú ổn định; trong công tác quản lý, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, việc triển khai gặp nhiều khó khăn khi thực hiện thu nộp tiền phạt đối với những hành vi phá rừng trái pháp luật, khai thác rừng trái phép, vì những người vi phạm có hoàn cảnh khó khăn

⁶⁸ Quảng Trị

⁶⁹ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

⁷⁰ Tuyên Quang, Sóc Trăng, Quảng Nam, Thái Bình, Đồng Tháp

⁷¹ Tuyên Quang

⁷² Quảng Nam

không có tiền nộp phạt, các trường hợp này thường phải cưỡng chế hoặc xét miễn giảm theo quy định của pháp luật⁷³. Vì vậy, việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt gặp nhiều khó khăn, chi phí để tổ chức lực lượng cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt lớn hơn rất nhiều so với mức tiền phạt. Bên cạnh đó, có nơi công tác XPVPHC, cưỡng chế XLVPHC còn chưa kiên quyết, bỏ sót vi phạm, áp dụng không chính xác quy định của pháp luật trong quá trình xử lý vi phạm, việc thiết lập hồ sơ và trình tự, thủ tục còn chưa chính xác, chặt chẽ⁷⁴.

- Việc cưỡng chế đối với những cá nhân không chấp hành cũng gặp rất nhiều khó khăn, nhiều trường hợp do đa số các chủ cơ sở kinh doanh, cá nhân vi phạm là dân nhập cư, thuê mặt bằng để kinh doanh buôn bán, không có tài sản để cưỡng chế thực hiện, hoặc trường hợp người bị phạt số tiền nhỏ mà áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá⁷⁵, hoặc do mức phạt cao hơn so với tang vật, phương tiện bị tịch thu, vì vậy đối tượng vi phạm chấp nhận bỏ lại tang vật, phương tiện mà không chấp hành quyết định xử phạt.

- Việc tổ chức thi hành áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong một số hành vi VPHC còn chưa thi hành được dù đã ban hành quyết định cưỡng chế thi hành như: Sử dụng đất trái mục đích, lấn chiếm đất, vi phạm trật tự xây dựng đô thị⁷⁶...

- Việc nộp tiền phạt vào Kho bạc nhà nước khó thực hiện với những trường hợp xử phạt nhưng không bị áp dụng các biện pháp tạm giữ tang vật, giấy phép... Các cơ quan chức năng cũng chưa tham mưu thực hiện được việc cưỡng chế thu tiền phạt vi phạm nộp ngân sách nhà nước⁷⁷.

- Tại một số địa phương, có những vụ vi phạm trong lĩnh vực lấn, chiếm đất đai và xây dựng do không được xử lý triệt để ngay từ đầu khi mới phát hiện vi phạm mà để kéo dài đến khi các công trình vi phạm đã hoàn chỉnh mới ra quyết định xử phạt dẫn đến việc gây khó khăn cho công tác thi hành quyết định xử phạt⁷⁸.

III. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Công tác THPL về XLVPHC trong năm 2014 mặc dù được các Bộ, ngành, địa phương triển khai một cách bài bản, thống nhất theo quy định của Luật XLVPHC nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc này có thể khái quát, đánh giá cụ thể như sau:

Thứ nhất, Luật XLVPHC đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013 (đối với các quy định về XPVPHC) và từ ngày 01/01/2014 (đối với các quy định về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do TAND xem xét, quyết định) nhưng một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật ban hành chưa kịp thời, đồng bộ, làm cho

⁷³ Điện Biên

⁷⁴ Bắc Giang, Quảng Nam, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Phú Yên, Nghệ An, Hưng Yên, Hà Giang, Hậu Giang, Quảng Trị

⁷⁵ Tiền Giang, Đồng Nai

⁷⁶ Lạng Sơn

⁷⁷ Lạng Sơn

⁷⁸ Nghệ An

các ngành chức năng lúng túng trong XLVPHC, nhất là trong việc thực hiện các quy định mới của Luật so với Pháp lệnh XLVPHC trước đây.

Thứ hai, phạm vi XLVPHC là rất rộng, hiện nay chủ yếu do các cơ quan, cá nhân tiến hành độc lập theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan, chưa được xây dựng nên rất khó khăn trong việc đánh giá, tổng hợp đầy đủ, toàn diện công tác THPL về XLVPHC.

Thứ ba, các mức xử phạt tiền tuy được áp dụng thống nhất trong toàn quốc nhưng do nước ta là nước đang phát triển, điều kiện kinh tế - xã hội ở các địa phương có sự chênh lệch nên việc áp dụng mức xử phạt đối với một số đối tượng cụ thể ở một số nơi chưa có sự phù hợp, ở các địa phương vùng sâu, vùng xa, kinh tế - xã hội kém phát triển thì mức phạt là quá cao so với điều kiện thực tế; ngược lại, ở các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội thì mức phạt lại chưa đủ sức răn đe, giáo dục.

Thứ tư, công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt pháp luật về XLVPHC, về vai trò của công tác XLVPHC mặc dù đã được quan tâm thực hiện nhưng còn chưa đi vào chiều sâu nên chưa thực sự phát huy hiệu quả cao nhất, chưa ngấm, thấm sâu vào nhận thức của đông đảo cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Thứ năm, nhận thức của một bộ phận cán bộ về vai trò và ý nghĩa của công tác THPL về XPVPHC chưa sâu sắc. Quản lý công tác THPL về XLVPHC là nhiệm vụ mới, lần đầu tiên được quy định tại Điều 17 Luật XLVPHC. Do đây là nhiệm vụ mới, việc nhận thức và nắm bắt đầy đủ nội dung, quản lý công tác THPL về XLVPHC của các Bộ, ngành, địa phương cũng còn nhiều hạn chế. Ở một số địa phương, thủ trưởng các sở, ngành, chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã chưa nhận thức được vai trò quan trọng của nhiệm vụ này nên chưa có sự đầu tư, quan tâm đúng mức. Bên cạnh đó, XLVPHC là lĩnh vực phức tạp, kinh nghiệm và hiểu biết của một số cán bộ, công chức làm công tác này còn hạn chế. Do vậy, một trong những thách thức lớn hiện nay trong công tác THPL về XLVPHC đó là công tác đào tạo và nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng của đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ XLVPHC.

Ý thức chấp hành pháp luật của một số tổ chức, cá nhân chưa cao, dễ dẫn đến những hành vi VPHC, có hành vi VPHC nhiều lần, cố tình tìm cách trì hoãn hoặc trốn tránh không thực hiện quyết định xử phạt hành chính, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho việc triển khai công tác THPL về XLVPHC còn gặp nhiều khó khăn, bất cập.

Thứ sáu, công tác kiểm tra, thanh tra tuy đạt được một số kết quả nhất định, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý THPL về XLVPHC. Công tác theo dõi, giám sát việc tuân thủ pháp luật của các chủ thể có thẩm quyền xử phạt chưa được thực hiện hiệu quả, việc phát hiện, xử lý vi phạm còn chưa kịp thời, chưa nghiêm minh.

Thứ bảy, công tác THPL về XLVPHC là nhiệm vụ mới, rất phức tạp, việc triển khai thực hiện nội dung quản lý công tác công tác THPL về XLVPHC chưa có tiền lệ, bài học để rút kinh nghiệm, do vậy các đơn vị, địa phương chưa thực sự

chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ mà chủ yếu thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của cơ quan cấp trên. Trong điều kiện chưa có chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời, nhất quán của các cơ quan cấp trên thì việc triển khai nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC rất khó thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả.

Phần thứ tư

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2015 VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THPL VỀ XPVPHC

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA NĂM 2015 TRONG VIỆC TRIỂN KHAI THI HÀNH PHÁP LUẬT XLVPHC VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Luật XLVPHC đã có hiệu lực hơn 01 năm, tuy nhiên, việc thi hành pháp luật về XLVPHC trong thời gian qua có diễn biến phức tạp và chưa thực sự được quản lý thống nhất đã gây ra những khó khăn, bất cập làm ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả THPL về XLVPHC và hiệu lực quản lý nhà nước, ảnh hưởng đến kinh tế, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, nhiệm vụ trọng tâm của năm 2015 trong việc triển khai thi hành pháp luật XLVPHC là: ***“Đẩy mạnh triển khai THPL về XLVPHC”***. Trên cơ sở đó đặt ra một số giải pháp thực hiện các nhiệm vụ này, cụ thể như sau:

1. Nội dung nhiệm vụ

1.1. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả quy định của Luật XLVPHC, tập trung theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện thống nhất, đồng bộ các quy định pháp luật về XLVPHC:

Việc tổ chức thực hiện có hiệu quả quy định của Luật XLVPHC, nhất là các quy định đối với đối tượng là người chưa thành niên nhằm đưa các quy định của Luật đi vào cuộc sống, bảo đảm việc thực thi, áp dụng pháp luật về XLVPHC nghiêm túc, chính xác, kịp thời. Để thực hiện vấn đề này, Bộ Tư pháp, tổ chức pháp chế các Bộ, ngành, các cơ quan tư pháp địa phương và các cơ quan khác có thẩm quyền cần khắc phục cơ bản tình trạng theo dõi, tổng hợp, đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về XLVPHC chưa kịp thời, thiếu thống nhất, thậm chí bị động, lúng túng; tình trạng chậm phản ứng chính sách để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định về XLVPHC gây nên sự bức xúc cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và dư luận xã hội; xây dựng hệ thống, chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ, thường xuyên, cập nhật về thi hành pháp luật XLVPHC trong toàn quốc đáp ứng yêu cầu quản lý công tác THPL về XLVPHC.

1.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật về XLVPHC, kịp thời rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện các quy định pháp luật về các biện pháp xử lý hành chính:

Về cơ bản, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về XLVPHC đã được ban hành và có hiệu lực thi hành, tuy nhiên, trong quá trình triển khai THPL về XLVPHC vẫn phát sinh nhiều vấn đề đòi hỏi phải nghiên cứu, ban hành văn bản mới quy định chi tiết thi hành Luật hoặc rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản đã được ban hành.

1.3. Tích cực tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về XLVPHC; tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ áp dụng pháp luật về XLVPHC:

Trong năm 2015, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp cần quán triệt việc thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật phải đi vào thực chất, tránh mang tính hình thức dẫn đến tình trạng người dân và ngay cả bản thân cơ quan có thẩm quyền xử phạt cũng không nắm được rõ các quy định của pháp luật về XLVPHC.

Đối với công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ áp dụng pháp luật về XLVPHC, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp cần tập trung chú trọng thực hiện thường xuyên để nâng cao kiến thức pháp luật về XLVPHC, đặc biệt là tập huấn về kỹ năng nghiên cứu, áp dụng pháp luật để giải quyết các hồ sơ, vụ việc cụ thể về XLVPHC. Công tác này là đặc biệt quan trọng nhằm giảm thiểu tối đa những trường hợp áp dụng pháp luật về XLVPHC không đúng, nhất là thẩm quyền và thủ tục XPVPHC. Thực tiễn cho thấy, vẫn đang còn nhiều sai sót, tiêu cực trong áp dụng pháp luật XLVPHC dẫn đến tình trạng khiếu nại, khiếu kiện, người dân, doanh nghiệp kêu ca phàn nàn, nhiều vụ việc nghiêm trọng, phức tạp đã xảy ra, nhất là trong các lĩnh vực như đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường...

1.4. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong quản lý công tác THPL về XLVPHC đối với các Bộ và các địa phương trong toàn quốc:

Để tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong quản lý công tác THPL về XLVPHC đối với các Bộ và các địa phương trong toàn quốc, bên cạnh công tác tuyên truyền, hoàn thiện pháp luật, theo dõi sát sao tình hình THPL về XLVPHC để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc trên thực tiễn thì nhiệm vụ trọng tâm đặt ra trong năm 2015 là thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra, thanh tra và phối hợp thanh tra, kiểm soát, xử lý nghiêm minh, kịp thời, minh bạch, kiên quyết duy trì trật tự, kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công vụ thực thi pháp luật về XLVPHC, khắc phục tình trạng hoạt động công vụ về XLVPHC còn bị buông lỏng, thiếu nghiêm minh, thiếu thường xuyên, thiếu tính khắt khe, quyết liệt để xảy ra vụ việc gây hậu quả nghiêm trọng. Việc tăng cường công tác này còn nhằm khắc phục tình trạng thu, quản lý, sử dụng nguồn tiền thu từ XPVPHC và bán tang vật, phương tiện VPHC bị tịch thu chưa được thực hiện đúng quy định của pháp luật, chưa hợp lý, còn

thiếu công khai, minh bạch dẫn đến lãng phí, thất thoát ngân sách nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự, kỷ cương trong thực thi pháp luật về ngân sách nhà nước.

1.5. Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy thực hiện quản lý công tác THPL về XLVPHC tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan tư pháp địa phương theo Quyết định số 1950/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ:

Trong điều kiện các văn bản quy định về nội dung quản lý nhà nước, quy định về công tác tổ chức, bộ máy thực hiện quản lý công tác THPL về XLVPHC tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan tư pháp địa phương đã được ban hành tương đối đầy đủ, trong năm 2015, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND các cấp cần chú trọng triển khai, thực hiện công tác này để tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy đảm đương nhiệm vụ này một cách hiệu quả trong thời gian tới.

1.6. Về công tác thống kê, báo cáo:

Thực hiện tốt công tác báo cáo, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chỉ đạo các tổ chức pháp chế, các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND cấp dưới, các cơ quan chức năng tại địa phương nghiêm túc thực hiện quy định tại Điều 25 và khoản 1 Điều 30 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP về báo cáo 06 tháng, hàng năm, trong đó, đặc biệt chú ý bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật về thời hạn, chất lượng báo cáo. Riêng công tác thống kê sẽ được tiếp tục triển khai sau năm 2015 theo quy định của pháp luật.

Đối với Bộ Tư pháp, trong năm 2015, cần khẩn trương ban hành Thông tư hướng dẫn về chế độ báo cáo về theo dõi công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (kèm theo các biểu mẫu báo cáo trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính) nhằm hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các địa phương thực hiện việc thu thập các thông tin phục vụ chế độ báo cáo theo quy định như đã nêu trên.

2. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ

2.1. Chú trọng, thường xuyên tập huấn chuyên sâu các quy định của Luật XLVPHC và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật XLVPHC:

Công tác tập huấn chuyên sâu các quy định của Luật XLVPHC và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật cần được chú trọng thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức của cơ quan, người có thẩm quyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc triển khai thi hành pháp luật XLVPHC kịp thời, chính xác; về vị trí, vai trò của quản lý công tác THPL về XLVPHC đối với việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nói chung, quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực XLVPHC nói riêng.

2.2. Chủ động, tích cực phối hợp giữa các Bộ, ngành và UBND các cấp triển khai quản lý công tác THPL về XLVPHC:

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, giữa Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan ở Trung ương và địa phương để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC;

- Chỉ đạo UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Nghị quyết/Chỉ thị chỉ đạo triển khai quản lý công tác THPL về XLVPHC theo hướng làm rõ và tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật XLVPHC và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND các cấp lập kế hoạch kiểm tra chuyên đề theo ngành, lĩnh vực, thanh tra một số vụ việc có tính trọng điểm, ảnh hưởng lớn tới an ninh TTATXH, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

2.3. Về công tác tổ chức bộ máy, biên chế bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC:

- Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ về việc bổ sung nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ cho Vụ Pháp chế, đồng thời kiện toàn tổ chức, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Vụ Pháp chế, bố trí, sắp xếp cán bộ để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC.

- Chính phủ chỉ đạo UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét tổ chức, sắp xếp cán bộ cho Sở Tư pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC theo Quyết định số 1950/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp, theo quy định của Luật XLVPHC, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và Quyết định số 1950/QĐ-TTg có trách nhiệm chủ động kiện toàn tổ chức, bố trí cán bộ bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC.

2.4. Chủ động tổ chức các hoạt động triển khai hiệu quả nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC:

Thứ nhất, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Bộ Tư pháp chủ động tổ chức một số hội nghị khu vực, Bộ, ngành triển khai quản lý công tác THPL về XLVPHC. Tùy tình hình thực tế, cử đại diện tham gia Tổ công tác liên ngành do Bộ Tư pháp thành lập để kịp thời cập nhật thông tin từ Bộ, ngành mình, chủ động tháo gỡ khó khăn, đề xuất biện pháp xử lý.

Thứ hai, Bộ Tư pháp cần tiếp tục nghiên cứu, xây dựng ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản về XLVPHC trực tiếp phục vụ cho việc quản lý công tác THPL về XLVPHC có hiệu quả.

Thứ ba, Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan ngang Bộ từng bước thường xuyên tổ chức công tác kiểm tra, phối hợp thanh tra về XLVPHC. Đối với công tác kiểm tra liên ngành tình hình thực hiện Luật XLVPHC tại các địa phương cần phải được thực hiện thường xuyên.

Thứ tư, Bộ Tư pháp khẩn trương trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về kiểm tra, phối hợp thanh tra trong công tác quản lý XLVPHC để tăng cường công tác quản lý, xử lý trách nhiệm đối với đội ngũ người có thẩm quyền xử phạt trực tiếp để hạn chế tối đa những vụ việc sai sót gây nên bức xúc trong xã hội và người dân, ảnh hưởng đến niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Thứ năm, Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ cần quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức làm nhiệm vụ quản lý công tác THPL về XLVPHC; nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm công tác này tại các cơ quan có liên quan.

II. VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XLVPHC

1. Đối với Nghị định số 81/2013/NĐ-CP

- Đề bảo đảm thuận tiện, thống nhất trong công tác XLVPHC, đề nghị Chính phủ bổ sung quy định về các biểu mẫu: Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Biên bản giao, nhận quyết định XPVPHC; Biên bản niêm phong/mở phong lô hàng tạm giữ; Biên bản lấy mẫu lô hàng để giám định; Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính; Quyết định thành lập Hội đồng xử lý tang vật, phương tiện VPHC; Biên bản định giá tang vật, phương tiện VPHC... vào Nghị định số 81/2013/NĐ-CP⁷⁹.

- Đề xuất với Chính phủ sửa đổi các biểu mẫu ban hành kèm Nghị định số 81/2013/NĐ-CP để phù hợp với thể thức văn bản hành chính quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ thể: đối với quyết định XPVPHC do Chủ tịch UBND các cấp ban hành thực hiện theo Mẫu số 02 phần nội dung tên cơ quan ban hành nên ghi là UBND xã/ huyện/tỉnh, không có tên cơ quan chủ quản. Vì, mục đích ghi tên tỉnh, huyện chỉ là để thuận tiện cho việc gửi tới cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về XLVPHC của Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp địa phương (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp) tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu tránh sự nhầm lẫn trong trường hợp trùng tên xã, huyện. Do đó, ghi theo cách trên sẽ phù hợp hơn⁸⁰.

⁷⁹ Bộ Quốc phòng

⁸⁰ Quảng Ngãi, Tuyên Quang, Quảng Nam

- Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về việc lập hồ sơ, quyết định xử phạt khi áp dụng Luật XLVPHC cũng như hướng dẫn thực hiện Nghị định 81/2013/NĐ-CP⁸¹.

- Điều chỉnh các mẫu biên bản kèm theo Nghị định 81/2013/NĐ-CP cho ngắn gọn, thuận tiện⁸².

2. Đối với các Nghị định khác quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHC

- Đề nghị Chính phủ quan tâm ban hành Nghị định quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC theo quy định tại khoản 7 Điều 26 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, đồng thời cần tổ chức lớp tập huấn xây dựng và sử dụng đối với hệ thống này⁸³.

- Đề xuất Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn về công tác kiểm tra, xử lý tình hình THPL về XLVPHC để các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương có cơ sở thực hiện kiểm tra tình hình THPL về XLVPHC trong lĩnh vực, địa bàn quản lý của mình.

III. VỀ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THI HÀNH

1. Các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

- Đảm bảo các điều kiện cần thiết cho công tác THPL về XLVPHC, kiện toàn bộ máy tổ chức, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác XLVPHC, đảm bảo về kinh phí hoạt động, trang bị thêm các thiết bị, phương tiện kỹ thuật mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác XLVPHC.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể việc tổ chức, sắp xếp lại biên chế nhằm bảo đảm nhân sự để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về XLVPHC ở địa phương (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện và Tư pháp cấp xã), vì Luật XLVPHC, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 1950/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV và các văn bản có liên quan giao cơ quan tư pháp tham mưu UBND cùng cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về XLVPHC⁸⁴.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương không xây dựng cơ sở dữ liệu riêng về XLVPHC mà chỉ tập trung khẩn trương xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC chung và phân quyền cập nhật, chia sẻ, sử dụng thông tin cho các cơ quan liên quan theo quy định của Luật XLVPHC⁸⁵.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc THPL về XLVPHC, kịp thời phát hiện, phổ biến, nhân rộng các

⁸¹ Tây Ninh

⁸² Đắk Nông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

⁸³ Hà Nam, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Đồng Tháp, Bắc Giang, Bắc Ninh, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Lai Châu, Nghệ An, Long An, Tây Ninh, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính

⁸⁴ Lai Châu, Hải Phòng, Thanh Hoá, Thái Bình, Nghệ An, Hưng Yên, Trà Vinh, Sơn La, Bà Rịa – Vũng Tàu, Tuyên Quang, Bình Định...

⁸⁵ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

điển hình tiên tiến, biểu dương những tập thể, cá nhân⁸⁶. Trong hoạt động thanh tra, kiểm tra cần có sự phối hợp giữa các ngành liên quan nhằm bảo đảm công tác kiểm tra được chính xác, hiệu quả cao và hạn chế được việc xử lý không đúng chức năng, thẩm quyền hoặc bỏ lọt hành vi vi phạm⁸⁷.

- Quy định cụ thể cơ chế giám sát trong thực hiện việc XLVPHC của các cơ quan, ngành nhằm kịp thời phát hiện những thiếu sót trong quá trình xử lý, hạn chế và không để xảy ra những quyết định hành chính tiêu cực ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân⁸⁸.

- Tổ chức các đoàn kiểm tra, khảo sát tình hình THPL tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các lực lượng áo dụng pháp luật và phục vụ cho công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật⁸⁹.

- Có biện pháp chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, thường xuyên tiến hành kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi VPHC, áp dụng tình tiết tăng nặng đối với các hành vi chống đối, gian lận hoặc vì lợi nhuận mà cố ý vi phạm để đảm bảo tính răn đe đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ pháp luật về XLVPHC

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Luật XLVPHC, các Nghị định thi hành Luật XLVPHC trên các lĩnh vực và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến XPVPHC thuộc các lĩnh vực như: đất đai; trật tự đô thị; đất đai; bảo vệ môi trường; thuế... để các cấp ủy Đảng, UBND các cấp nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng và tính chất phức tạp của công tác THPL về XPVPHC, trên cơ sở đó có hướng quan tâm, chỉ đạo đối với công tác này⁹⁰.

- Đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật đến nhân dân tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc nhằm nâng cao nhận thức pháp luật góp phần từng bước giảm thiểu và ngăn ngừa các hành vi VPHC.

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tăng cường hơn nữa công tác tập huấn nghiệp vụ XPVPHC cho cán bộ, công chức có thẩm quyền xử phạt ở các địa phương; thường xuyên mở các lớp đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn về XPVPHC tại địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ, công chức có thẩm quyền xử phạt tham gia học tập, trao đổi kinh nghiệm nhằm thực hiện có hiệu quả công tác này.

- Tăng cường thực hiện hoặc phối hợp giữa các cơ quan liên quan với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện công tác tập huấn nghiệp vụ quản lý Nhà nước về

⁸⁶ Hà Nam, Phú Thọ, Bà Rịa - Vũng Tàu

⁸⁷ Bắc Kạn

⁸⁸ Bà Rịa - Vũng Tàu

⁸⁹ Bộ Công thương

⁹⁰ Hà Nam, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Đồng Tháp, Bắc Giang, Bắc Ninh, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Hưng Yên, Quảng Trị, Bộ Công thương

XLVPHC, đặc biệt là những vấn đề, nhiệm vụ mới nhằm nâng cao năng lực, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác này, đặc biệt nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu quản lý các lĩnh vực này nhất là đối với đội ngũ cán bộ xã, thị trấn và tạo điều kiện để các địa phương được trao đổi, kiến nghị, trả lời nhiều vấn đề khó khăn, vướng mắc mà hiện nay địa phương gặp phải trong thời gian đầu triển khai thực hiện Luật và các văn bản hướng dẫn⁹¹.

IV. ĐỀ XUẤT VỀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CỦA CÁC CƠ QUAN

1. Đối với Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ

- Đề nghị Chính phủ ban hành theo thẩm quyền các Nghị định mới hoặc sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHC hiện hành nhằm hướng dẫn kịp thời, cụ thể các quy định của Luật XLVPHC (như đã nêu tại mục I, phần thứ ba và mục II, phần thứ tư của báo cáo).

- Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi thẩm quyền phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp trong việc tiếp tục triển khai có hiệu quả việc thi hành Luật XLVPHC và các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật.

2. Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan soạn thảo, trình Chính phủ ban hành một số Nghị định mới quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHC hoặc ban hành theo thẩm quyền các Thông tư, phối hợp ban hành Thông tư liên tịch liên quan đến công tác quản lý XLVPHC.

- Quán triệt việc thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật phải đi vào thực chất, tránh mang tính hình thức dẫn đến tình trạng người dân và ngay cả bản thân cơ quan có thẩm quyền xử phạt cũng không nắm được rõ các quy định của pháp luật về XLVPHC.

- Đối với công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ áp dụng pháp luật về XLVPHC, các Bộ, cơ quan ngang bộ cần tập trung chú trọng thực hiện thường xuyên để nâng cao kiến thức pháp luật về XLVPHC, đặc biệt là tập huấn về kỹ năng nghiên cứu, áp dụng pháp luật để giải quyết các hồ sơ, vụ việc cụ thể về XLVPHC.

3. Đối với các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Khẩn trương ban hành Kế hoạch của UBND cấp tỉnh trong quản lý công tác THPL về XLVPHC năm 2015, Quyết định của UBND cấp tỉnh kèm theo Quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc thực hiện quản lý công tác THPL về XLVPHC tại địa phương theo hướng phân công, phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý công tác THPL về XLVPHC với cơ quan quản

⁹¹ Hưng Yên, Thái Bình Nam Định, Ninh Bình, Đồng Tháp, Bắc Giang, Bắc Ninh, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Lai Châu, Nghệ An, Hà Tĩnh, Cà Mau, Trà Vinh, Hải Dương, An Giang, Điện Biên, Thừa Thiên Huế, Bình Phước, Phú Yên, Quảng Ngãi, Long An, Tây Ninh, Quảng Nam, Ninh Thuận, Quảng Trị, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Hà Nam

lý người có thẩm quyền XLVPHC trực tiếp, bảo đảm công tác quản lý XLVPHC và theo dõi THPL về XLVPHC được thực hiện kịp thời, thông suốt, hiệu quả.

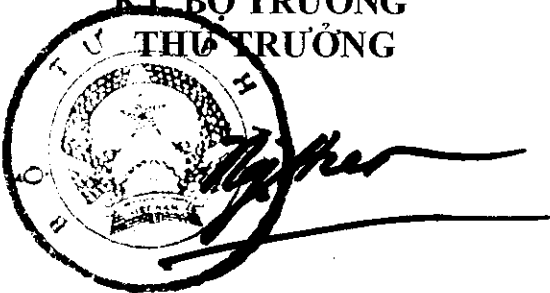
- Dưới sự chỉ đạo, hỗ trợ của UBND, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cần tiến hành kiểm tra thường xuyên, chỉ đạo thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành để triển khai các đợt kiểm tra trên cơ sở Kế hoạch và Quy chế phối hợp đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt, yêu cầu báo cáo, kiểm tra đột xuất đối với những trường hợp, vụ việc áp dụng pháp luật XLVPHC có dấu hiệu xâm phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Trên đây là Báo cáo về công tác THPL về XLVPHC năm 2014, Bộ Tư pháp xin kính trình Thủ tướng Chính phủ. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (để báo cáo);
- Ủy ban pháp luật Quốc hội (để phối hợp);
- Tòa án nhân dân tối cao (để phối hợp);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao (để phối hợp);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp);
- Bộ trưởng Hà Hùng Cường (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, Cục QLXLVPHC&TDTHPL (2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Thúc Hiến

PHỤ LỤC SỐ 01
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THI HÀNH
LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH*

(Kèm theo Báo cáo số 66/BC-BTP ngày 20/3/2015 của Bộ Tư pháp)

STT	Ngày ban hành	Số, ký hiệu	Trích yếu văn bản
1.	19/02/2014	22-CV/BCS (Gửi Ban Cán sự Đảng các Bộ, cơ quan ngang Bộ)	Về việc phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2.	19/02/2014	23-CV/BCS (Gửi Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thành uỷ)	Về việc phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
3.	29/08/2014	3719/BTP-QLXLVPHC (Gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Y tế)	Về việc thực hiện biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.
4.	06/09/2014	3798/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Về việc thực hiện quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 về các biện pháp xử lý hành chính.
5.	08/09/2014	3810/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Về việc kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật.
6.	15/09/2014	3910/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi Bộ Công an)	Về việc xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch về các biểu mẫu hướng dẫn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, thị trấn quy định tại Nghị định số 111/2013/NĐ-CP.
7.	15/09/2014	3911/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi TAND tối cao)	Về việc triển khai thực hiện quy định pháp luật về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

* Số liệu được tổng hợp, thống kê từ ngày 01/01/2014 - 31/12/2014.

STT	Ngày ban hành	Số, ký hiệu	Trích yếu văn bản
8.	23/9/2014	4044/BTP- QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Y tế)	Về việc đề nghị ban hành kèm theo Thông tư liên tịch các Bộ này đang xây dựng một số biểu mẫu để sử dụng trong quá trình lập hồ sơ, tiến hành trình tự, thủ tục chuyển TAND xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy.
9.	07/11/2014	4615/BTP- QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Về việc tiếp nhận thông tin về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 6 Điều 17 Luật XLVPHC.
10.	29/12/2014	5282/BTP- QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Về việc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật XLVPHC và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.
11.	31/12/2014	5346/BTP- QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Về việc chỉ đạo UBND cấp xã cử đại diện tham gia phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại TAND.
12.	31/12/2014	5347/BTP- QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi TAND tối cao)	Về việc đề nghị ban hành văn bản hướng dẫn Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13.

PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC CÁC NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH
LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH*

(Kèm theo Báo cáo số 66/BC-BTP ngày 20/3/2015 của Bộ Tư pháp)

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
1.	64/2013/NĐ-CP	27/6/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.
2.	79/2013/NĐ-CP	19/7/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.
3.	80/2013/NĐ-CP	19/7/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
4.	81/2013/NĐ-CP	19/7/2013	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.
5.	93/2013/NĐ-CP	20/8/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy nội địa.
6.	95/2013/NĐ-CP	22/8/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
7.	97/2013/NĐ-CP	27/8/2013	Quy định về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng
8.	98/2013/NĐ-CP	28/8/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số.

* Số liệu được tổng hợp, thống kê từ ngày 01/6/2013 - 31/12/2014.

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
9.	99/2013/NĐ-CP	29/8/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.
10.	103/2013/NĐ-CP	12/9/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản.
11.	105/2013/NĐ-CP	16/9/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.
12.	107/2013/NĐ-CP	20/9/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.
13.	108/2013/NĐ-CP	23/9/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
14.	109/2013/NĐ-CP	24/9/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.
15.	110/2013/NĐ-CP	24/9/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.
16.	111/2013/NĐ-CP	30/9/2013	Quy định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
17.	112/2013/NĐ-CP	02/10/2013	Quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất.
18.	114/2013/NĐ-CP	03/10/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
19.	115/2013/NĐ-CP	03/10/2013	Quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.
20.	119/2013/NĐ-CP	09/10/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.
21.	120/2013/NĐ-CP	09/10/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.
22.	121/2013/NĐ-CP	10/10/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà ở và công sở.
23.	127/2013/NĐ-CP	15/10/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.
24.	129/2013/NĐ-CP	16/10/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.
25.	131/2013/NĐ-CP	16/10/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.
26.	134/2013/NĐ-CP	17/10/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
27.	138/2013/NĐ-CP	22/10/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.
28.	139/2013/NĐ-CP	22/10/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính về khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều; phòng,

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
			chống lụt, bão.
29.	142/2013/NĐ-CP	24/10/2013	Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.
30.	144/2013/NĐ-CP	29/10/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em.
31.	148/2013/NĐ-CP	30/10/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề.
32.	147/2013/NĐ-CP	30/10/2013	Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.
33.	Nghị định số 155/2013/NĐ-CP	11/11/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
34.	157/2013/NĐ-CP	11/11/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.
35.	158/2013/NĐ-CP	12/11/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.
36.	159/2013/NĐ-CP	12/11/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản.
37.	162/2013/NĐ-CP	12/11/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam.
38.	163/2013/NĐ-CP	12/11/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp.
39.	165/2013/NĐ-CP	12/11/2013	Quy định việc quản lý, sử dụng và danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
			dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường.
40.	166/2013/NĐ-CP	12/11/2013	Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
41.	167/2013/NĐ-CP	12/11/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.
42.	169/2013/NĐ-CP	12/11/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.
43.	171/2013/NĐ-CP	13/11/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt.
44.	173/2013/NĐ-CP	13/11/2013	Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ.
45.	174/2013/NĐ-CP	13/11/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.
46.	176/2013/NĐ-CP	14/11/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.
47.	178/2013/NĐ-CP	14/11/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.
48.	179/2013/NĐ-CP	14/11/2013	Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
49.	185/2013/NĐ-CP	15/11/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
50.	192/2013/NĐ-CP	21/11/2013	Quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước.
51.	221/2013/NĐ-CP	30/12/2013	Quy định quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
52.	02/2014/NĐ-CP	10/01/2014	Quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.
53.	71/2014/NĐ-CP	21/7/2014	Quy định chi tiết Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh.
54.	93/2014/NĐ-CP	17/10/2014	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.
55.	96/2014/NĐ-CP	17/10/2014	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.
56.	102/2014/NĐ-CP	10/11/2014	Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.
57.	107/2014/NĐ-CP	17/11/2014	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

PHỤ LỤC SỐ 03
DANH MỤC THÔNG TƯ VÀ THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ*
(Kèm theo Báo cáo số 66/BC-BTP ngày 20/3/2015 của Bộ Tư pháp)

STT	Loại, số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
1.	Thông tư số 09/2013/TT-BCT	02/5/2013	Quy định về hoạt động kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường.
2.	Thông tư số 32/2013/TT-BGTVT	15/10/2013	Ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.
3.	Thông tư số 26/2013/TT-BCT	30/10/2013	Quy định về mẫu biên bản, quyết định sử dụng trong hoạt động kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường.
4.	Thông tư số 153/2013/TT-BTC	31/10/2013	Quy định thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của lực lượng xử phạt vi phạm hành chính.
5.	Thông tư số 166/2013/TT-BTC	15/11/2013	Quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế.
6.	Thông tư số 173/2013/TT-BTC	20/11/2013	Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.
7.	Thông tư liên tịch số 32/2013/TTLT/BLĐTBXH-BNG	06/12/2013	Hướng dẫn trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 35 của Nghị định số

* Số liệu được tổng hợp, thống kê từ ngày 01/01/2013 - 31/12/2014.

STT	Loại, số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
			95/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/12/2013.
8.	Thông tư số 190/2013/TT-BTC	12/12/2013	Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 127/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.
9.	Thông tư số 53/2013/TT-BGTVT	13/12/2013	Ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.
10.	Thông tư số 55/2013/TT-BGTVT	26/12/2013	Quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
11.	Thông tư số 215/2013/TT-BTC	31/12/2013	Hướng dẫn về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế
12.	Thông tư số 217/2013/TT-BTC	31/12/2013	Hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
13.	Thông tư số 07/2014/TT-BTC	14/01/2014	Hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo Nghị định 192/2013/NĐ-CP.
14.	Thông tư số 10/2014/TT-BTC	17/01/2014	Hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn.
15.	Thông tư số 02/2014/TT-BXD	12/02/2014	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai

STT	Loại, số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
			thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà ở và công sở.
16.	Thông tư số 02/2014/TT-BGTVT	25/02/2014	Quy định quy trình thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm hành chính; công tác lập kế hoạch, chế độ báo cáo và quản lý nội bộ của thanh tra ngành Giao thông vận tải.
17.	Thông tư số 31/2014/TT-BTC	07/3/2014	Hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá tại Nghị định 109/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.
18.	Thông tư số 05/2014/TT-BGTVT	31/3/2014	Ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt.
19.	Thông tư số 54/2014/TT-BTC	24/4/2014	Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kho bạc nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.
20.	Thông tư số 14/2014/TT-BCT	26/5/2014	Về trình tự xác minh và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng Cơ quan Điều tiết điện lực.
21.	Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH	12/6/2014	Ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng quy chế đối với học

STT	Loại, số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
			viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc.
22.	Thông tư số 19/2014/TT-BKHCN	01/7/2014	Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
23.	Thông tư số 95/2014/TT-BQP	07/7/2014	Hướng dẫn thi hành Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.
24.	Thông tư số 97/2014/TT-BQP	16/7/2014	Quy định về ban hành, quản lý và sử dụng biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính của Bộ Quốc phòng.
25.	Thông tư số 105/2014/TT-BTC	07/8/2014	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013 quy định thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của lực lượng xử phạt vi phạm hành chính.
26.	Thông tư số 38/2014/TT-BCA	12/9/2014	Quy định biểu mẫu để sử dụng khi áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng
27.	Thông tư số 39/2014/TT-BCA	12/9/2014	Quy định biểu mẫu để sử dụng khi áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc
28.	Thông tư số 130/2014/TT-BQP	24/9/2014	Hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trên các

STT	Loại, số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
			vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam.
29.	Thông tư số 42/2014/TT-BCA	25/9/2014	Quy định về biểu mẫu sử dụng trong Công an nhân dân khi áp dụng và thi hành biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
30.	Thông tư số 20/2014/TT-BTP	25/9/2014	Ban hành các biểu mẫu để sử dụng trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý hành chính quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên theo quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
31.	Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH	08/10/2014	Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.
32.	Thông tư số 43/2014/TT-BCA	08/10/2014	Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10/01/2014 quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc.

STT	Loại, số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
33.	Thông tư số 27/2014/TT-BKHCN	10/10/2014	Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.
34.	Thông tư số 149/2014/TT-BTC	10/10/2014	Quy định về số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính để sung vào ngân sách nhà nước.
35.	Thông tư số 34/2014/TT-BCT	15/10/2014	Quy định về việc phối hợp giữa cơ quan Quản lý thị trường các cấp trong hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính.
36.	Thông tư số 45/2014/TT-BCA	15/10/2014	Quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.
37.	Thông tư số 47/2014/TT-BCA	15/10/2014	Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.
38.	Thông tư số 48/2014/TT-BCA	17/10/2014	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2

PHỤ LỤC SỐ 04
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN TRAO ĐỔI, HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ
ÁP DỤNG PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH*
(Kèm theo Báo cáo số 66/BC-BTP ngày 20/3/2015 của Bộ Tư pháp)

STT	Số Công văn	Ngày phát hành	Trích yếu
1.	28/QLXLVPHC&TDTHPL-QLHC (Gửi Cục Kiểm tra VBQPPL)	18/7/2014	Tham gia ý kiến về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần công nhận Việt Nam (AoV).
2.	62/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi Vụ PL Hình sự - Hành chính)	07/8/2014	Về việc phối hợp có ý kiến về mức phạt tối đa trong lĩnh vực chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hoá lãnh sự.
3.	67/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi UBND thành phố Hà Nội)	08/8/2014	Về việc áp dụng pháp luật xử phạt vi phạm hành chính trong vụ mua bán, vận chuyển gỗ sưa, cành cây sưa tại thôn Phú Chính, xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.
4.	3486/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi Bộ Thông tin và Truyền thông)	14/8/2014	Về việc đề xuất đơn vị tham gia thực hiện việc thu, nộp phí phạt và chuyển phát hồ sơ vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.
5.	83/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi STP tỉnh Bình Thuận)	19/8/2014	Về việc hướng dẫn nghiệp vụ, giải thích vướng mắc trong áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp tư nhân.
6.	89/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi STP tỉnh Bạc Liêu)	20/8/2014	Về việc trao đổi chuyên môn nghiệp vụ trong công tác xử lý vi phạm hành chính.
7.	3685/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi UBND thành phố Hà Nội)	27/8/2014	Về việc thành lập Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật thuộc Sở Tư pháp.

* Số liệu được tổng hợp, thống kê từ ngày 15/7/2014 - 31/12/2014.

STT	Số Công văn	Ngày phát hành	Trích yếu
8.	3699/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi cử tri)	29/8/2014	Về việc trả lời kiến nghị của cử tri đề nghị sớm giải quyết tình trạng vi phạm về ban hành văn bản.
9.	114/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi Vụ PL Dân sự - Kinh tế)	06/9/2014	Về việc phối hợp chuẩn bị báo cáo về việc phân chia nhà đất của gia đình ông Cù Huy Hà Vũ.
10.	118/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi V19 - Bộ Công an)	10/9/2014	Về việc phối hợp thực hiện việc ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
11.	156/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi STP tỉnh Long An)	26/9/2014	Về việc xin ý kiến ban hành biểu mẫu sử dụng khi áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
12.	165/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi Cục Bổ trợ tư pháp)	01/10/2014	Về việc xử lý vi phạm hành chính về hành vi không thực hiện nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho luật sư.
13.	169/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi UBND thành phố Hà Nội)	03/10/2014	Trao đổi ý kiến về việc áp dụng pháp luật trong vụ mua bán, vận chuyển gỗ sưa, cành cây sưa tại thôn Phụ Chính, xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.
14.	173/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi STP tỉnh Sóc Trăng)	10/10/2014	Về việc trao đổi chuyên môn nghiệp vụ trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
15.	182b/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi STP tỉnh Điện Biên)	15/10/2014	Về việc trao đổi chuyên môn nghiệp vụ trong áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

STT	Số Công văn	Ngày phát hành	Trích yếu
16.	189/QLXLVPHC&TDTHPL-CSDL (Gửi Chi cục Kiểm lâm - Sở NN và PTNT tỉnh Đắk Lắk)	20/10/2014	Về việc trao đổi chuyên môn nghiệp vụ trong áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
17.	190/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi STP tỉnh Phú Thọ)	20/10/2014	Về việc trao đổi chuyên môn nghiệp vụ trong quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.
18.	209/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi Cục Điều tra chống buôn lậu - Tổng cục Hải quan)	28/10/2014	Về việc trao đổi ý kiến về xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng có hành vi mang trái phép sừng tê giác từ Mozambich về sân bay quốc tế Nội Bài.
19.	215/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi STP thành phố Hà Nội)	31/10/2014	Về việc trao đổi, hướng dẫn cách ghi tên cơ quan ban hành trong các biểu mẫu về xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.
20.	223/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi Sở NN và PTNT tỉnh Lâm Đồng)	05/11/2014	Về việc trao đổi áp dụng quy định xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 157/2013/NĐ-CP.
21.	234/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi Vụ PL Hình sự - Hành chính)	10/11/2014	Về việc trao đổi, chuẩn bị ý kiến đề xuất hoàn thiện thể chế liên quan đến biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
22.	245/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi STP tỉnh Bình Thuận)	13/11/2014	Về việc trao đổi ý kiến chuyên môn nghiệp vụ về xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ du lịch ABC.
23.	4701/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi Bộ Ngoại giao)	13/11/2014	Trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến kinh nghiệm xử lý vi phạm hành chính, dân sự và hình sự.

STT	Số Công văn	Ngày phát hành	Trích yếu
24.	254/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi Sở GTVT tỉnh Quảng Nam)	14/11/2014	Về việc trao đổi việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.
25.	4801/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi cử tri Nguyễn Thu Huyền)	21/11/2014	Về việc trao đổi, trả lời thắc mắc trong sử dụng hóa đơn.
26.	269/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi Văn phòng Bộ Tư pháp)	26/11/2014	Về việc đề xuất xử lý hai cuốn sách của Nhà xuất bản Lao động - Xã hội
27.	274/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi STP tỉnh Đắk Nông)	28/11/2014	Về việc áp dụng pháp luật xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng.
28.	293/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi Cục Điều tra chống buôn lậu - Tổng cục Hải quan)	10/12/2014	Về việc trao đổi xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.
29.	303/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi STP tỉnh Quảng Trị)	11/12/2014	Về việc trao đổi chuyên môn nghiệp vụ trong việc áp dụng Luật XLVPHC liên quan đến vấn đề giao quyền của cấp trưởng cho cấp phó.
30.	310/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi UBND tỉnh An Giang)	17/12/2014	Về việc trao đổi nghiệp vụ về xử phạt vi phạm hành chính.
31.	314/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC (Gửi STP tỉnh Nam Định)	18/12/2014	Về việc trao đổi, hướng dẫn về việc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
32.	5264/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL (Gửi STP thành phố Hải Phòng)	27/12/2014	Về việc trao đổi ý kiến trong việc xây dựng Quy định chi tiết việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hoà giải thành.

STT	Số Công văn	Ngày phát hành	Trích yếu
33.	345/QLXLVPHC&TDTHPL-VP (Gửi Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt)	31/12/2014	Về thời điểm áp dụng xử phạt vi phạm hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 Nghị định số 171/2013/NĐ- CP (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP).

PHỤ LỤC SỐ 05
TÌNH HÌNH KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
QUẢN LÝ CÔNG TÁC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG*
(Kèm theo Báo cáo số 66/BC-BTP ngày 20/3/2015 của Bộ Tư pháp)

STT	ĐƠN VỊ	ĐÃ THÀNH LẬP PHÒNG QLXLVPHC	ĐÃ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN BỔ SUNG BIÊN CHẾ	CHƯA XÂY DỰNG ĐƯỢC ĐỀ ÁN BỔ SUNG BIÊN CHẾ	KHÔNG BÁO CÁO VẤN ĐỀ NÀY
1.	An Giang				X
2.	Bà Rịa - Vũng Tàu				X
3.	Bắc Giang			X	
4.	Bắc Kạn				X
5.	Bạc Liêu			X	
6.	Bắc Ninh				X
7.	Bến Tre			X	
8.	Bình Định			X	
9.	Bình Dương				X
10.	Bình Phước		X		

* Thông tin được tổng hợp đến ngày 31/12/2014.

STT	ĐƠN VỊ	ĐÃ THÀNH LẬP PHÒNG QLXLVPHC	ĐÃ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN BỔ SUNG BIÊN CHẾ	CHƯA XÂY DỰNG ĐƯỢC ĐỀ ÁN BỔ SUNG BIÊN CHẾ	KHÔNG BÁO CÁO VẤN ĐỀ NÀY
11.	Bình Thuận		X		
12.	Cà Mau		X		
13.	Cần Thơ			X	
14.	Cao Bằng				X
15.	Đà Nẵng			X	
16.	Đắk Lắk	X			
17.	Đắk Nông		X		
18.	Điện Biên			X	
19.	Đồng Nai		X		
20.	Đồng Tháp				X
21.	Gia Lai				X
22.	Hà Giang		X		
23.	Hà Nam	X			
24.	Hà Nội		X		

STT	ĐƠN VỊ	ĐÃ THÀNH LẬP PHÒNG QLXLVPHC	ĐÃ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN BỘ SƯNG BIÊN CHẾ	CHƯA XÂY DỰNG ĐƯỢC ĐỀ ÁN BỘ SƯNG BIÊN CHẾ	KHÔNG BÁO CÁO VẤN ĐỀ NÀY
25.	Hà Tĩnh				X
26.	Hải Dương				X
27.	Hải Phòng	X			
28.	Hậu Giang		X		
29.	Hòa Bình				X
30.	Hưng Yên			X	
31.	Khánh Hòa				X
32.	Kiên Giang				X
33.	Kon Tum		X		
34.	Lai Châu		X		
35.	Lâm Đồng				X
36.	Lạng Sơn		X		
37.	Lào Cai				X
38.	Long An		X		

STT	ĐƠN VỊ	ĐÃ THÀNH LẬP PHÒNG QLXLVPHC	ĐÃ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN BỔ SUNG BIÊN CHẾ	CHƯA XÂY DỰNG ĐƯỢC ĐỀ ÁN BỔ SUNG BIÊN CHẾ	KHÔNG BÁO CÁO VẤN ĐỀ NÀY
39.	Nam Định		X		
40.	Nghệ An		X		
41.	Ninh Bình				X
42.	Ninh Thuận				X
43.	Phú Thọ			X	
44.	Phú Yên				X
45.	Quảng Bình				X
46.	Quảng Nam				X
47.	Quảng Ngãi			X	
48.	Quảng Ninh				X
49.	Quảng Trị				X
50.	Sóc Trăng		X		
51.	Sơn La				X
52.	Tây Ninh		X		

STT	ĐƠN VỊ	ĐÃ THÀNH LẬP PHÒNG QLXLVPHC	ĐÃ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN BỘ SUNG BIÊN CHẾ	CHƯA XÂY DỰNG ĐƯỢC ĐỀ ÁN BỘ SUNG BIÊN CHẾ	KHÔNG BÁO CÁO VẤN ĐỀ NÀY
53.	Thái Bình			X	
54.	Thái Nguyên				X
55.	Thanh Hoá			X	
56.	Thừa Thiên -Huế			X	
57.	Tiền Giang		X		
58.	TP Hồ Chí Minh		X		
59.	Trà Vinh		X		
60.	Tuyên Quang			X	
61.	Vĩnh Long				X
62.	Vĩnh Phúc				X
63.	Yên Bái			X	

3

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA CÁC BỘ, NGÀNH

(Kèm theo Báo cáo số 66/BC-BTP ngày 20/3/2015 của Bộ Tư pháp)

1

STT	BỘ, NGÀNH		
3	Bộ Giao thông vận tải		
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo		
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
30	13	8,668	Tổng số vụ vi phạm
16	13	7,679	Đã ra Quyết định xử phạt
0	0	7,427	Cá nhân
12	13	252	Tổ chức
	0	0	Truy cứu TNHS
	0	0	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN
	0	1,337	Chưa xử phạt
5	13	5,971	Đã thi hành xong
	0	0	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt
	0	0	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN
7	0	382	Chưa thi hành
	0	13	Đình chỉ thi hành
	0	0	Cưỡng chế thi hành
	0	2	Khiếu nại, khởi kiện
	8	2,697	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng
	0	1	Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn
	1	2	Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn
	0	0	Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)
16,000,000	358,500,000	11,058,895,000	Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)
			Ghi chú

STT	Bộ, ngành				
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	50	415	3,548	
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	53	415	3,512	356
8	Bộ Ngoại giao	50	356	27	
9	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50	59	3,487	
				0	
				0	
				0	
				3,502	
				0	
				0	
				10	356
				0	
				0	0
				0	
				91	
				0	
				1	
				29,570,000	
				17,285,630,000	512,500,000
					1,674,000,000

STT	Bộ, ngành	10 Bộ Quốc phòng	11 Bộ Tài chính	12 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
187	126,590	6,101	Tổng số vụ vi phạm	
187	123,799	6,545	Đã ra Quyết định xử phạt	
49	5,460	9,761	Cá nhân	Số vụ vi phạm
138	103,205	30	Tổ chức	
0	122	61	Truy cứu TNHS	Số vụ vi phạm
0	95	850	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	
0	0	62	Chưa xử phạt	Số vụ vi phạm
0	100,520	5,839	Đã thi hành xong	
0	326	183	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt	Số vụ vi phạm
0	0	0	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN	
0	20,253	62	Chưa thi hành	Số vụ vi phạm
0	0	0	Đình chỉ thi hành	
0	759	0	Cưỡng chế thi hành	Số vụ vi phạm
0	123	4	Khiếu nại, khởi kiện	
0	32,717	190	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng	Số vụ vi phạm
1	0	115	Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn	
	0	0	Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn	Số vụ vi phạm
0	15,152,191,000	124,156,267,656	Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)	
2,971,900,000	1,605,823,771,489	16,524,710,000	Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)	Số vụ vi phạm
			Ghi chú	

STT	BỘ, NGÀNH		
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường		
14	Bộ Thông tin và Truyền thông		
15	Bộ Tư pháp		
93	950	348	Tổng số vụ vi phạm
86	373	347	Đã ra Quyết định xử phạt
78		1	Cá nhân
8		346	Tổ chức
2		0	Truy cứu TNHS
0		0	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN
7		0	Chưa xử phạt
44		197	Đã thi hành xong
1		0	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt
0		0	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN
33		150	Chưa thi hành
3		0	Đình chỉ thi hành
5		0	Cưỡng chế thi hành
3		0	Khiếu nại, khởi kiện
1		347	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng
0		0	Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn
0		0	Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn
4,800,000		0	Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)
63,550,000	1,007,830,130	21,729,000,000	Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)
			Ghi chú

STT	BỘ, NGÀNH		
16	BỘ XÂY DỰNG		
17	BỘ Y TẾ		
18	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
	226	14	Tổng số vụ vi phạm
173	226	14	Đã ra Quyết định xử phạt
27		0	Cá nhân
144	226	14	Tổ chức
1		0	Truy cứu TNHS
		0	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN
		0	Chưa xử phạt
		6	Đã thi hành xong
			Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt
			Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN
		8	Chưa thi hành
			Đình chỉ thi hành
			Cưỡng chế thi hành
			Khiếu nại, khởi kiện
2		2	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng
			Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn
			Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn
			Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)
1,628,500,000	6,566,574,500	950,000,000	Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)
900USD			Ghi chú

STT			
BỘ, ngành		Tổng cộng:	
4,766,626		Tổng số vụ vi phạm	
1,637,684		Đã ra Quyết định xử phạt	
23,236		Cá nhân	Đối tượng bị lý bằng hình xử phạt
2,898,615		Tổ chức	
3,915		Truy cứu TNHS	Chuyển xử thức khác
945		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	
1,406		Chưa xử phạt	
116,522		Đã thi hành xong	
510		Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt	
		Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN	
21,261		Chưa thi hành	
16		Đình chỉ thi hành	
815		Cưỡng chế thi hành	
132		Khiếu nại, khởi kiện	
36,055		Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng	
97,089		Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn	
9		Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn	
139,342,828,656		Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)	
5,254,473,450,824		Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)	
		Ghi chú	

Chú thích:

Cột 8: Biện pháp nhắc nhở.

Cột 10: Đã thực hiện xong hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, các biện pháp khắc phục hậu quả.
NCTN: Người chưa thành niên.

GP, CCHN: Giấy phép, Chứng chỉ hành nghề.

PHỤ LỤC SỐ 07

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 66/BC-BTP ngày 20/3/2015 của Bộ Tư pháp)

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Số vụ vi phạm				Quyết định xử phạt				Số vụ
		Đã ra Quyết định xử phạt		Đối tượng bị xử phạt	Chuyển xử lý bằng hình thức khác	Chưa xử phạt				
1	2	3	4			5	6	7	8	9
1	Hà Nội	909,188		Cá nhân	Tổ chức	Truy cứu TNHS	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN			Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt
2	TP. Hồ Chí Minh	1,372,340				1,295	360		1,102,086	23
										12
						209,189	6,343			141
										67

STT	3	4	5
Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	An Giang	Bà Rịa - Vũng tàu	Bạc Liêu
Tổng số vụ vi phạm	160,646	95,991	52,880
Đã ra Quyết định xử phạt	150,720	95,991	36,531
Số vụ vi phạm	Cá nhân		52,431
	Tổ chức		364
Chuyên xử lý hàng hình thức khác	Truy cứu TNHS	412	8
	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	748	263
Chưa xử phạt	9,926	0	15
Đã thi hành xong	144,071	89,881	51,940
Quyết định xử phạt	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt	257	253
	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN	0	0
	Chưa thi hành	5,698	921
	Đình chỉ thi hành	0	0
	Cưỡng chế thi hành	0	0
Số vụ	Khiếu nại, khởi kiện	2	1
Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng	95		226
Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn	11,990	7,000	4,519
Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn	4		4
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)	12,360,751,000		3,419,080,000
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)	185,211,242,500	60,000,000,000	43,909,977,320
Ghi chú			

STT	6	7	8
Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Bắc Giang	Bắc Kạn	Bắc Ninh
Tổng số vụ vi phạm	21,414	19,374	79,802
Đã ra Quyết định xử phạt	22,011	19,374	
Số vụ vi phạm	Cá nhân	21,829	18,315
	Tổ chức	434	11
Số vụ vi phạm	Truy cứu TNHS	27	24
	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	1	7
Chuyển xử lý bằng hình thức khác	Chưa xử phạt	28	0
Đã thi hành xong	21,271	19,300	79,228
Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt	55	0	
Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN	0	0	
Chưa thi hành	895	73	574
Đình chỉ thi hành	0		
Cưỡng chế thi hành	0		
Khấu nại, khởi kiện	2	4	
Số lượng các biện pháp khác phục hậu quả đã được áp dụng	242	0	
Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn	842	1,403	847
Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn	2	0	
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)	1,869,943,000		
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)	28,969,723,000	18,691,850,105	86,120,391,042
Ghi chú			

STT	9	10	11		
Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Bến Tre	Bình Dương	Bình Định		
Tổng số vụ vi phạm	23,009	176,758	78,814		
Đã ra Quyết định xử phạt	23,640	154,260	78,814	Số vụ vi phạm	
Cá nhân	23,607	149,881			
Tổ chức	33	4,379			
Truy cứu TNHS	72	22	1		
Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	323	146			
Chuyển xử lý bằng hình thức khác					
Chưa xử phạt	0	22,561		Quyết định xử phạt	
Đã thi hành xong	21,210	149,741			
Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt	14	95			
Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN	0	0			
Chưa thi hành	2,414	4,517			
Đình chỉ thi hành	0				
Cưỡng chế thi hành	2	1			
Khiếu nại, khởi kiện	5	2		Số vụ	
Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng	0	3,882			
Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn	4,481	6,112	466		
Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn	0	130			
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)	1,839,291,000	9,936,867,720			
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)	40,417,081,000	423,416,229,561	100,795,407,592		
Ghi chú					

STT		12 Bình Phước	13 Bình Thuận	14 Cao Bằng	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương
Tổng số vụ vi phạm					
Đã ra Quyết định xử phạt		13,991	61,906	141,869	
Số vụ vi phạm	Đối tượng bị xử phạt	Cá nhân	13,814	61,423	137,164
		Tổ chức	13,573		
	Chuyển xử lý bằng hình thức khác	Truy cứu TNHS	97		
		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	7	25	50
	Chưa xử phạt	7		25	
Đã thi hành xong		89	29	4,522	
Quyết định xử phạt	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt		3,166	60,249	128,128
	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN		1	19	16
	Chưa thi hành		0		0
	Đình chỉ thi hành		129	828	292
	Cưỡng chế thi hành		0		0
	Khiếu nại, khởi kiện		5	1	0
Số vụ	Số lượng các biện pháp khác phục hậu quả đã được áp dụng		4	6	2
Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn		250		0	
Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn		29	5,663	9,679	
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)		11	36	0	
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)		2,466,901,000		1,662,000,000	
Ghi chú		9,512,835,242	72,697,566,008	123,581,411,213	

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	15 Cà Mau	16 Cần Thơ	17 Đà Nẵng
Tổng số vụ vi phạm				
Số vụ vi phạm				
Đã ra Quyết định xử phạt				
Số vụ vi phạm	Đối tượng bị xử phạt	Cá nhân	93,521	55,471
		Tổ chức	1,088	533
Số vụ vi phạm	Chuyển xử lý bằng hình thức khác	Truy cứu TNHS	165	155
		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	34	55
Chưa xử phạt				
Đã thi hành xong				
Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt				
Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN				
Chưa thi hành				
Đình chỉ thi hành				
Cưỡng chế thi hành				
Khiếu nại, khởi kiện				
Số vụ				
Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng				
Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn				
Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn				
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)				
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)				
Ghi chú				

STT	Tình/ thành phố trực thuộc Trung ương		
18 Đắk Lắk			
19 Đắk Nông			
20 Điện Biên			
4,301	46,593	193,105	Tổng số vụ vi phạm
4,301	46,593	192,365	Đã ra Quyết định xử phạt
		6,640	Cá nhân
		211	Tổ chức
79	325	185	Truy cứu TNHS
30	0	1,531	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN
	0	358	Chưa xử phạt
	37,746	191,691	Đã thi hành xong
19	50	9	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt
	0	0	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN
34	8,682	813	Chưa thi hành
	2	0	Đình chỉ thi hành
13	2	38	Cưỡng chế thi hành
1	1	2	Khiếu nại, khởi kiện
	0	224	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng
1,331	2,174	739	Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn
	339	456	Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn
		518,244,000	Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)
28,313,917,000	33,705,445,422	91,215,532,761	Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)
			Ghi chú

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương		
21	Dồng Nai		
22	Dồng Tháp		
23	Gia Lai		
142,386	39,956	696,545	Tổng số vụ vi phạm
49,357	39,956	655,406	Đã ra Quyết định xử phạt
47,467		637,934	Cá nhân
1,777		17,472	Tổ chức
124		1,882	Truy cứu TNHS
572		7,887	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN
1,390	0	41,139	Chưa xử phạt
31,326	30,473	687,543	Đã thi hành xong
1,216		178	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt
127		29,751	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN
8,132	9,483	26,151	Chưa thi hành
0		0	Đình chỉ thi hành
0		161	Cưỡng chế thi hành
9		8	Khiếu nại, khởi kiện
4,733		290,061	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng
18,058		0	Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn
780		0	Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn
9,463,525,900			Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)
59,602,184,849	30,940,155,719	365,901,318,596	Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)
			Ghi chú

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	24 Hà Giang	25 Hà Nam	26 Hà Tĩnh
Tổng số vụ vi phạm		45,952	26,842	39,014
Số vụ vi phạm	Đã ra Quyết định xử phạt	45,952		39,014
	Đối tượng bị xử phạt	Cá nhân		
		Tổ chức		
	Chuyển xử lý hàng hình thức khác	Truy cứu TNHS	72	155
		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	194	40
	Chưa xử phạt			9
Quyết định xử phạt	Đã thi hành xong			37,594
	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt		30	10
	Giảm thời hạn trước quyền sử dụng GP, CCHN			0
	Chưa thi hành			1,410
	Đình chỉ thi hành			0
	Cưỡng chế thi hành		13	889
	Khiếu nại, khởi kiện		0	2
Số vụ	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng			10
Số lượng GP, CCHN bị trước quyền sử dụng có thời hạn		780	1,236	123
Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn			1	19
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)				0
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)		20,281,986,861	28,707,781,000	33,640,229,300
Ghi chú				

STT		Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	27 Hải Dương	28 Hải Phòng	29 Hậu Giang
Tổng số vụ vi phạm			135,762	183,221	1,396,295
Đã ra Quyết định xử phạt			130,270	183,221	1,393,623
Số vụ vi phạm	Đối tượng bị xử phạt	Cá nhân			1,392,792
		Tổ chức			431
	Chuyển xử lý bằng hình thức khác	Truy cứu TNHS	9	149	130
		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	336	174	5,049
Chưa xử phạt					2,678
Đã thi hành xong					1,326,408
Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt					8
Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN					53
Chưa thi hành			6,936		15,045
Đình chỉ thi hành					9
Cưỡng chế thi hành			3		1
Khiếu nại, khởi kiện					2
Số vụ	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng		592		481
	Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn		2,558		4,031
	Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn		52		23
	Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)				518,784,890
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)			75,341,669,000	135,118,646,000	89,361,246,807
Ghi chú					

STT		30	31	32	
Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương		Hưng Yên	Hòa Bình	Khánh Hòa	
Tổng số vụ vi phạm		18,035	32,660	8,911	
Số vụ vi phạm	Đã ra Quyết định xử phạt	16,719	30,166	8,877	
	Đối tượng bị xử phạt	Cá nhân	16,296	3,235	8,125
		Tổ chức	425	697	747
	Chuyển xử lý hàng hình thức khác	Truy cứu TNHS	11	1	16
		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	584	0	0
	Chưa xử phạt		230	2,493	52
Quyết định xử phạt	Đã thi hành xong	16,551	3,511	8,198	
	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt	0	5	20	
	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN	0	0	0	
	Chưa thi hành	60	26,650	616	
	Đình chỉ thi hành	0	0	3	
	Cưỡng chế thi hành	0	0	11	
Số vụ	Khiếu nại, khởi kiện	1	1	2	
Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng		127	7	1,561	
Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn		153	393	1,045	
Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn		51	149	52	
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)		2,047,800,000	542,488,300	1,806,366,000	
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)		12,577,720,643	62,347,321,000	16,896,632,000	
Ghi chú					

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương		Số vụ vi phạm	
33	Kiên Giang	31,537	Tổng số vụ vi phạm	
34	Kon Tum	51,159	Đã ra Quyết định xử phạt	
35	Lai Châu	7,712	Đã ra Quyết định xử phạt	
			Cá nhân	Đổi tượng bị xử phạt
			Tổ chức	
			Truy cứu TNHS	Chuyển xử lý bằng hình thức khác
			Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	
			Chưa xử phạt	
			Đã thi hành xong	
			Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt	
			Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN	
			Chưa thi hành	
			Đình chỉ thi hành	
			Cưỡng chế thi hành	
			Khiếu nại, khởi kiện	Số vụ
			Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng	
			Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn	
			Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn	
			Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)	
			Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)	
			Ghi chú	

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	36 Lào Cai	37 Lạng Sơn	38 Lâm Đồng
Tổng số vụ vi phạm				
Đã ra Quyết định xử phạt				
Số vụ vi phạm	Đổi tượng bị xử phạt	Cá nhân	62,009	
		Tổ chức	525	
	Chuyển xử lý bằng hình thức khác	Truy cứu TNHS	70	
		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	477	
Chưa xử phạt				
Quyết định xử phạt	Đã thi hành xong			
	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt			
	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN			
	Chưa thi hành			
	Đình chỉ thi hành			
	Cưỡng chế thi hành			
	Khiếu nại, khởi kiện			
Số vụ				
Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng				
Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn				
Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn				
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)				
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)				
Ghi chú				

STT		Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	39 Long An	40 Nam Định	41 Nghệ An
Tổng số vụ vi phạm					
Đã ra Quyết định xử phạt		Đối tượng bị xử phạt	Cá nhân	1,511	186,282
Tổ chức			2,453	35	186,282
Số vụ vi phạm	Chuyển xử lý bằng hình thức khác	Truy cứu TNHS	108	8	156
		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	272	1	
Chưa xử phạt		535	25		
Đã thi hành xong		82,299	1,329	183,827	
Quyết định xử phạt	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt		229	16	
	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN		0	0	
	Chưa thi hành		6,196	97	2,455
	Đình chỉ thi hành		0	0	
	Cưỡng chế thi hành		8	0	
Số vụ	Khiếu nại, khởi kiện		40	2	23
Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng		6	9		
Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn		7,965	250		
Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn		671	0		
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)		18,458,838,645	404,675,000		
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)		218,535,102,004	4,265,870,000	142,455,616,964	
Ghi chú					

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương		
42	Ninh Bình	43	Ninh Thuận
44	Phủ Thọ		
98,448	40,019	65,935	Tổng số vụ vi phạm
98,448	48,986	65,696	Đã ra Quyết định xử phạt
97,668	48,003	46,302	Cá nhân
780	983	833	Tổ chức
62	156	21	Truy cứu TNHS
31	196	24	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN
0	33	5	Chưa xử phạt
96,320	48,066	48,254	Đã thi hành xong
53	0	14	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt
0	97	0	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN
2,128	664	212	Chưa thi hành
0	0	10	Đình chỉ thi hành
57	3	0	Cưỡng chế thi hành
2	2	2	Khiếu nại, khởi kiện
0	202	699	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng
2,170	2,087	909	Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn
0	5	16	Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn
11,763,490,000	7,752,662,000	4,059,884,636	Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)
74,715,169,000	42,314,936,000	63,260,580,317	Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)
			Ghi chú

STT		Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	45 Phú Yên	46 Quảng Bình	47 Quảng Nam
Tổng số vụ vi phạm			72,542	39,495	17,512
Đã ra Quyết định xử phạt			69,019	39,482	16,414
Số vụ vi phạm	Đối tượng bị xử phạt	Cá nhân		39,209	16,192
		Tổ chức		740	344
	Chuyển xử lý bằng hình thức khác	Truy cứu TNHS		12	127
		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN		17	106
Chưa xử phạt				132	352
Đã thi hành xong				35,225	14,359
Quyết định xử phạt	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt		14	10	25
	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN			0	0
	Chưa thi hành		3,643	4,256	460
	Đình chỉ thi hành			0	1
	Cưỡng chế thi hành		0	10	13
	Khiếu nại, khởi kiện		1	2	14
Số vụ	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng			527	308
Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn			6,375	3,636	500
Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn			9	0	3
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)				2,747,172,000	14,834,607,400
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)			60,632,695,932	69,267,924,000	17,663,016,032
Ghi chú					

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	48	49	50
		Quảng Ngãi	Quảng Ninh	Quảng Trị
Tổng số vụ vi phạm		85,414	224,386	84,020
Số vụ vi phạm	Đã ra Quyết định xử phạt	80,516	224,386	
	Đối tượng bị xử phạt	Cá nhân	79,380	
		Tổ chức	1,820	
	Chuyển xử lý bằng hình thức khác	Truy cứu TNHS	101	
		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	301	
	Chưa xử phạt		5,279	
	Quyết định xử phạt	Đã thi hành xong	75,967	
Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt		191		
Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN		0		
Chưa thi hành		4,355		
Đình chỉ thi hành		0		
Cưỡng chế thi hành		3		
Khiếu nại, khởi kiện		18		
Số vụ	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng	538		
	Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn	6,219		
	Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn	86		
	Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)	4,563,398,000	55,211,625,000	
	Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)	93,677,220,000	192,838,627,440	43,262,740,911
	Ghi chú			

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	51 Sóc Trăng	52 Son La	53 Tây Ninh
Tổng số vụ vi phạm				
Đã ra Quyết định xử phạt				
Số vụ vi phạm	Đổi tượng bị xử phạt	Cá nhân		
		Tổ chức		
		Truy cứu TNHS	90	
		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	785	
	Chuyển xử lý hàng hình thức khác	424		
	Chưa xử phạt	18		1,025
Đã thi hành xong				
Quyết định xử phạt	Số vụ	9		43,723
		0		
		4,444	634	2,307
		0		
		8	0	
		3	5	3
Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng				
Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn				
Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn				
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)				
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)				
Ghi chú				

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	54 Thanh Hóa	55 Thái Bình	56 Thái Nguyên
Tổng số vụ vi phạm				
Đã ra Quyết định xử phạt				
Số vụ vi phạm	Đối tượng bị xử phạt	Cá nhân		
		Tổ chức		
	Chuyển xử lý bằng hình thức khác	Truy cứu TNHS	57	77
		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	236	10
	Chưa xử phạt		27	7
	Đã thi hành xong			
Quyết định xử phạt	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt		53	3
	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN			3
	Chưa thi hành		670	573
	Đình chỉ thi hành			0
	Cưỡng chế thi hành		34	0
	Khiếu nại, khởi kiện		26	1
Số vụ	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng			
Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn				
Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn				
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)				
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)				
Ghi chú				

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	57	58	59
		Thừa Thiên - Huế	Tiền Giang	Trà Vinh
Tổng số vụ vi phạm		110,995	168,422	5,500
Đã ra Quyết định xử phạt		109,507	165,480	2,512
Số vụ vi phạm	Đối tượng bị xử phạt	106,783		640
	Cá nhân			
Chuyển xử lý bằng hình thức khác	Tổ chức	2,091		613
	Truy cứu TNHS	197	74	
Chưa xử phạt	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	701	2,869	
		1		
Đã thi hành xong		99,196	159,340	1,866
Quyết định xử phạt	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt	38	7	
	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN	0		
	Chưa thi hành	10,273	6,140	
	Đình chỉ thi hành	0		
	Cưỡng chế thi hành	21		
	Khiếu nại, khởi kiện	16	9	
	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng	1,730	997	
Số vụ	Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn	1,214	11,090	3
	Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn	0	20	
Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)		0		794,352,000
Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)		284,460,130,338	97,248,688,000	15,114,713,000
Ghi chú				

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	60 Tuyên Quang	61 Vĩnh Long	62 Vĩnh Phúc	
Tổng số vụ vi phạm					
Đã ra Quyết định xử phạt					
Số vụ vi phạm	Đổi tương bị xử phạt	Cá nhân	35,286	13,952	
		Tổ chức	395	103	
	Chuyển xử lý bằng hình thức khác	Truy cứu TNHS		12	41
		Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN		126	91
Chưa xử phạt					
Đã thi hành xong					
Quyết định xử phạt	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt		1	521	233
	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN			486	0
	Chưa thi hành		923	16,154	2,010
	Đình chỉ thi hành		0	0	0
	Cưỡng chế thi hành		0	0	0
	Khiếu nại, khởi kiện		0	20	3
Số vụ	Số lượng các biện pháp khác phục hậu quả đã được áp dụng				
	Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn				
	Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn				
	Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)				
	Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)				
Ghi chú					

STT	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Số vụ vi phạm		Quyết định xử phạt		Số vụ
63	Yên Bái	Tổng cộng:	8,706,492	50,199	Đã ra Quyết định xử phạt	
			7,255,955	48,884	Cá nhân	Đối tượng bị xử phạt
			3,390,669		Tổ chức	Chuyển xử lý bằng hình thức khác
			44,303	90	Truy cứu TNHS	
			7,843	84	Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN	
			26,488	39	Chưa xử phạt	
			126,297	46,577	Đã thi hành xong	
			6,499,460	69	Hoãn thi hành, giảm, miễn tiền phạt	
			5,498	0	Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN	
			30,517	1,621	Chưa thi hành	
			445,009	0	Đình chỉ thi hành	
			30	35	Cưỡng chế thi hành	
			5,592	13	Khiếu nại, khởi kiện	
			618	421	Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng	
			348,876	3,481	Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn	
			352,654	744	Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn	
			220,812	2,650,012,500	Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu (đồng)	
			244,401,452,399	32,901,595,107	Tổng số tiền phạt theo quyết định (đồng)	
			6,629,471,234,345		Ghi chú	

Chú thích:

Cột 8: Biện pháp nhắc nhở.

Cột 10: Đã thực hiện xong hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, các biện pháp khắc phục hậu quả.
NCTN: Người chưa thành niên.

GP, CCHN: Giấy phép, Chứng chỉ hành nghề.

PHỤ LỤC SỐ 08

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 66/BC-BTP ngày 20/3/2015 của Bộ Tư pháp)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các BPXLHC	Số lượng HS		Trong đó																Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyển về cơ sở y tế để điều trị	Số vụ		Ghi chú		
			Đề nghị áp dụng biện pháp GDXPTT	Đề nghị áp dụng các BPXLHC do TAND quyết định	Tổng số Quyết định áp dụng các BPXLHC	Tổng số Quyết định của UBND cấp xã	Áp dụng biện pháp GDXPTT	Áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với NCTN	Chưa được thi hành	Tổng số Quyết định của TAND cấp huyện	Đưa vào TGD	Đưa vào CSGDBB	Đưa vào CSCNBB	Chưa được thi hành	Đang chấp hành Quyết định	Được giảm thời hạn chấp hành Quyết định	Tạm đình chỉ chấp hành Quyết định	Được miễn chấp hành phần thời gian còn lại	Được hoãn chấp hành Quyết định	Khiếu nại		Khởi kiện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
1	Hà Nội	1,101	613	488	597	577	577	0		20	0	0	20													
2	Thành phố Hồ Chí Minh	892	878	14	827	878	827	51		0																
3	An Giang	82	75	7	75	75	75			0																
4	Bà Rịa - Vũng tàu																									Số liên không khớp, không tổng hợp được
5	Bạc Liêu	10	9	1	10	9	9	0	0	1	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các BPXLHC	Số lượng HS	Trong đó																	Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyên về cơ sở y tế để điều trị	Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú là NCTN, người ốm yếu không còn khả năng lao động được đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội	Số vụ		Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
				Đề nghị áp dụng biện pháp GDXPTT			Đề nghị áp dụng các BPXLHC do TAND quyết định		Tổng số Quyết định áp dụng các BPXLHC		Tổng số Quyết định của UBND cấp xã		Áp dụng biện pháp GDXPTT		Áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với NCTN		Chưa được thi hành		Tổng số Quyết định của TAND cấp huyện				Đưa vào TGD			Đưa vào CSGDBB		Đưa vào CSCNB		Chưa được thi hành		Đang chấp hành Quyết định		Được giảm thời hạn chấp hành Quyết định		Tạm đình chỉ chấp hành Quyết định		Được miễn chấp hành phần thời gian còn lại		Được hoãn chấp hành Quyết định		TGD		CSGDBB		CSCNB																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
6	Bắc Giang	992	702	290	707	702	702	0	0	5	3	0	2		5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
7	Bắc Kạn	106	97	9	106	97	97	0		9	2	1	6		7		2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
8	Bắc Ninh	591	526	65	499	526	434	92		65	17	28	20			6	13		0				13																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
9	Bến Tre	64	64		29	64	29	35																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
10	Bình Dương	158	143	15	158	143	143	0		15	2	13		2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
11	Bình Định																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
12	Bình Phước	247	122	125	65	61	35	26		30		11	19		10																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
13	Bình Thuận	21	21	0	18	21	18	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các BPXLHC	Số lượng HS		Trong đó																		Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyển về cơ sở y tế để điều trị	Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú là NCTN, người ốm yếu không còn khả năng lao động được đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội	Số vụ		Ghi chú
			Đề nghị áp dụng biện pháp GDXPTT	Đề nghị áp dụng các BPXLHC do TAND quyết định	Tổng số Quyết định áp dụng các BPXLHC	Tổng số Quyết định của UBND cấp xã	Áp dụng biện pháp GDXPTT	Áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với NCTN	Chưa được thi hành	Tổng số Quyết định của TAND cấp huyện	Đưa vào TGD	Đưa vào CSGDBB	Đưa vào CSCNBB	Chưa được thi hành	Đang chấp hành Quyết định	Được giảm thời hạn chấp hành Quyết định	Tạm đình chỉ chấp hành Quyết định	Được miễn chấp hành phần thời gian còn lại	Được hoãn chấp hành Quyết định	Khiếu nại	Khởi kiện						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	
14	Cao Bằng	120	59	61	117	57	56	1	0	61	15	13	33	5	50	14	0	11	0	0	0	0	0	0	0	BC không đúng nơi đúng yêu cầu	
15	Cà Mau																										
16	Cần Thơ	68	31	37	65	31	28	3	0	37	0	0	37	0	37	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
17	Hải Phòng	452	289	163	273	289	273	16	0	0													1				
18	Đà Nẵng	345	165	180	345	165	165			180	10	46	124		175												
19	Gia Lai	261	181	80	164	179	147	32		17	1	15	1	5		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
20	Hòa Bình	7	6	1	6	6	6	0		0										0	0	0	0	0	0		
21	Hà Giang	231	231	0	37	231	37	194															11				
22	Hà Nam	505	337	168	471	337	320	17	5	151	18	12	121	0	148	1	2			3							
23	Hà Tĩnh	194	169	25	154	169	136	33		18	6	5	7		18												

STT		Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các BPXLHC	Số lượng HS	Trong đó																				Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyển về cơ sở y tế để điều trị	Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú là NCTN, người ốm yếu không còn khả năng lao động được đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội	Số vụ		Ghi chú
1	2				3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22			23	24	
24	Hưng Yên																										Số liên không khớp, không tổng hợp được		
25	Hải Dương																										BC không đúng nội dung yêu cầu		
26	Hậu Giang																										Số liên không khớp, không tổng hợp được		
27	Điện Biên																										BC không đúng nội dung yêu cầu		
28	Bắc Lắc	176	106	70	80	106	20	86	2	60	6	16	38	1	5	11													
29	Bắc Nùng	187	81	106	61	81	59	22		2	2				2														
30	Đồng Nai	644	582	62	566	582	504	78	62	62	8	12	42																
31	Đồng Tháp	98	93	5	98	93	93	0		5	3	1	1																

[illegible]

STT		Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng HS		Trong đó																Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyển về cơ sở y tế để điều trị			Số vụ		Ghi chú								
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25		26	27						
		Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các BPXLHC	Đề nghị áp dụng biện pháp GDXPTT			Đề nghị áp dụng các BPXLHC do TAND quyết định			Tổng số Quyết định áp dụng các BPXLHC			Tổng số Quyết định của UBND cấp xã			Số lượng QĐ			Số lượng QĐ			Số lượng đối tượng			Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyển về cơ sở y tế để điều trị			Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú là NCTN, người ốm yếu không còn khả năng lao động được đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội			Khiếu nại		Khởi kiện		
43	Ninh Thuận	75	60	15	60	152	60	92	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Chưa áp dụng các biện pháp XLHC do TA quyết định							
44	Phước Thọ	329	235	94	264	235	170	65	0	94	0	0	0	94	0	94	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0							
45	Phước Yên																										Số liên trong BC không đầy đủ							
46	Quảng Bình	97	97	0	97	97	97	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0								
47	Quảng Nam																										Số liên không khớp không tổng hợp được							
48	Quảng Ngãi	270	214	56	191	164	154	10	1	37	15	17	5	2	35	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0								

STT		Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng HS				Trong đó												Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyển về cơ sở y tế để điều trị			Số vụ		Ghi chú		
1	2		3	4	5	6	Số lượng QP			Số lượng QD			Số lượng đối tượng			Khởi kiện	Khởi kiện									
49	Quảng Ninh	Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các BPXLHC	Đề nghị áp dụng biện pháp GDXPTT	Đề nghị áp dụng các BPXLHC do TAND quyết định	Tổng số Quyết định áp dụng các BPXLHC	Tổng số Quyết định của UBND cấp xã	Áp dụng biện pháp GDXPTT	Áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với NCTN	Chưa được thi hành	Tổng số Quyết định của TAND cấp huyện	Đưa vào TGD	Đưa vào CSGDBB	Đưa vào CSCNBB	Chưa được thi hành	Đang chấp hành Quyết định	Được giảm thời hạn chấp hành Quyết định	Tạm đình chỉ chấp hành Quyết định	Được miễn chấp hành phần thời gian còn lại	Được hoãn chấp hành Quyết định	Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyển về cơ sở y tế để điều trị	Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú là NCTN, người ốm yếu không còn khả năng lao động được đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội	Khởi kiện	Khởi kiện	Chưa triển khai các biện pháp XLVPHC do TA quyết định		
50	Quảng Trị																								Không BC nội dung này	
51	Sóc Trăng	681	156	525	236	149	116	33	0	120	21	19	80	2	109			83	1							Chưa triển khai các biện pháp XLVPHC do TA quyết định
52	Son La																									Chưa triển khai các biện pháp XLVPHC do TA quyết định
53	Thanh Hóa																									Chưa triển khai các biện pháp XLVPHC do TA quyết định

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các BPXLHC	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	Số lượng HS	Trong đó	Số vụ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	Số lượng HS	Trong đó	Số vụ	Ghi chú
54	Thái Bình	87	87	0	87	87	87	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Chưa triển khai các biện pháp XLVPHC do T.A quyết định
55	Thái Nguyên	808	743	65	605	540	540			65	25	4	36		65	8									1					Chưa triển khai các biện pháp XLVPHC do T.A quyết định
56	Thừa Thiên - Huế																													Số liên không khớp không tổng hợp được
57	Trần Giang	112	106	6	112	106	106	0	0	6	1	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Số liên không khớp không tổng hợp được
58	Trà Vinh																													Kiểm tra BC vẫn đề này
59	Tuyên Quang	97	57	40	96	57	57	0	0	39	8	6	25	0	39	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Số liên trong BC không đầy đủ
60	Tây Ninh																													Số liên trong BC không đầy đủ

1	STT		
2	Tên cơ quan, đơn vị		
3	Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các BPXLHC		
4	Đề nghị áp dụng biện pháp GDXPTT		Số lượng HS
5	Đề nghị áp dụng các BPXLHC do TAND quyết định		
6	Tổng số Quyết định áp dụng các BPXLHC		
7	Tổng số Quyết định của UBND cấp xã		
8	Áp dụng biện pháp GDXPTT		Số lượng QĐ
9	Áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với NCTN		
10	Chưa được thi hành		
11	Tổng số Quyết định của TAND cấp huyện		
12	Đưa vào TGD		Số lượng QĐ
13	Đưa vào CSGDBB		
14	Đưa vào CSCNBB		
15	Chưa được thi hành		Số lượng đối tượng
16	Đang chấp hành Quyết định		
17	Được giảm thời hạn chấp hành Quyết định		
18	Tạm đình chỉ chấp hành Quyết định		
19	Được miễn chấp hành phần thời gian còn lại		
20	Được hoãn chấp hành Quyết định		Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyển về cơ sở y tế để điều trị
21	TGD		
22	CSGDBB		
23	CSCNBB		Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú là NCTN, người ốm yếu không còn khả năng lao động được đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội
24			
25	Khiếu nại		Số vụ
26	Khởi kiện		
27	Ghi chú		

NCTN: Người chưa thành niên.

TAND: Tòa án nhân dân.

TGD: Trường giáo dưỡng.

CSGDBB: Cơ sở giáo dục bắt buộc.

CSCNBB: Cơ sở cai nghiện bắt buộc.

PHỤ LỤC SỐ 09
BẢN TỔNG HỢP NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC XUẤT PHÁT TỪ QUY ĐỊNH
CỦA PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số 66/BC-BTP ngày 20/3/2015 của Bộ Tư pháp)

1. Những khó khăn, vướng mắc chủ yếu về xử phạt VPHC

1.1. Những khó khăn, vướng mắc xuất phát từ quy định của Luật XLVPHC:

1.1.1. Một số quy định của Luật XLVPHC chưa phù hợp với thực tiễn:

- Vấn đề thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC bị giới hạn bởi thẩm quyền phạt tiền: Từ Điều 38 đến Điều 51 Luật XLVPHC quy định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC bị giới hạn theo thẩm quyền phạt tiền làm phát sinh nhiều vụ việc vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của cơ quan cấp dưới bị dồn lên cơ quan cấp trên giải quyết, không bảo đảm tính kịp thời, nhanh chóng trong việc xử phạt¹.

- Về biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính: Điều 122 Luật XLVPHC quy định chỉ được áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác. Tuy nhiên, việc quy định những trường hợp được áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính như vậy vẫn quá hạn hẹp, gây khó khăn cho quá trình áp dụng, vì trong thực tế, nhiều trường hợp đối tượng có nhiều hành vi vi phạm khác nhau như đánh bạc, trộm cắp tài sản..., cơ quan Công an cần có thời gian để xác minh, làm rõ hành vi, hậu quả, thiệt hại, đặc biệt là xác minh về nhân thân của các đối tượng vi phạm để xử lý theo đúng quy định pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm (nhất là đối với những tội có quy định đã bị XPHC về các hành vi trên) nhưng đối tượng lại không có nơi cư trú ổn định, nếu không tạm giữ hành chính thì đối tượng bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý về sau. Ngoài ra, trường hợp vi phạm thường xuyên diễn ra trên thực tế hiện nay là các đối tượng có các hành vi chống lại người thi hành công vụ. Nếu không tạm giữ theo thủ tục hành chính thì sẽ khó có thể xử phạt hành chính đối với họ². Đây cũng là khó khăn, bất cập trong việc quản lý người vi phạm để bảo đảm cho công tác XPVPHC.

- Khoản 9 Điều 125 Luật XLVPHC quy định: trong biên bản tạm giữ phải có cả chữ ký của người ra quyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải ký đóng dấu vào quyết định tạm giữ. Điều này không phù hợp thực tế vì: Thứ nhất, biên bản tạm giữ phải lập ngay trong cuộc thanh tra, kiểm tra và phải giao ngay cho đối tượng bị tạm giữ trong khi người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ không tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra nên việc ký vào biên bản tạm giữ không thể thực hiện

¹ Bộ Tài chính

² Hà Tĩnh, Tiền Giang, Kiên Giang, Đắk Lắk, Cà Mau, Bộ Quốc phòng, Hải Phòng, Điện Biên

được; Thứ hai, trên thực tế có trường hợp người ra quyết định tạm giữ tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra có thể ký vào biên bản tạm giữ nhưng cũng không thể đóng dấu vì do đoàn thanh tra, kiểm tra không thể mang theo con dấu mà cũng không thể mang biên bản tạm giữ về trụ sở cơ quan đóng dấu và gửi lại sau cho đối tượng bị tạm giữ, như vậy là không phù hợp với quy định về việc phải giao biên bản tạm giữ ngay cho đối tượng.

- Việc khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC: Theo quy định tại khoản 2 Điều 129 thì trong trường hợp khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC là chỗ ở thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch UBND cấp huyện. Quy định này không khả thi và gây khó khăn cho việc khám xét, vì để có được sự đồng ý của Chủ tịch UBND cấp huyện thì thông thường phải mất từ 01-02 ngày (đối với những Đồn Biên phòng ở vùng sâu, vùng xa, giao thông không thuận tiện)³.

1.1.2. Một số quy định của Luật XLVPHC chưa cụ thể, rõ ràng, dẫn đến nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau:

- Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới quyết định xử phạt: Khoản 3 Điều 18 Luật XLVPHC quy định: *“Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền XLVPHC có trách nhiệm phát hiện quyết định về XLVPHC do mình hoặc cấp dưới ban hành có sai sót và phải kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, ban hành quyết định mới theo thẩm quyền”*. Tuy nhiên, Luật XLVPHC cũng như Nghị định số 81/2013/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về thủ tục, nội dung, biểu mẫu, những trường hợp nào phải sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới quyết định xử phạt... dẫn đến những khó khăn, lúng túng trong triển khai áp dụng.

- Về thời hạn ra quyết định xử phạt: Tại khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC quy định thời hạn ra quyết định XPVPHC là 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản VPHC. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản; trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp thì được xin gia hạn, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày. Tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể thế nào là vụ việc “có nhiều tình tiết phức tạp”, do đó cách hiểu và áp dụng quy định này tại mỗi địa phương có sự khác nhau.

- Vấn đề thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC của tổ chức: Khoản 1 Điều 52 Luật XLVPHC quy định thẩm quyền xử phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần đối với cá nhân, trong khi đó, thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC lại được xác định theo mức tiền phạt (được quy định đối với cá nhân VPHC). Như vậy, có thể hiểu thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện của tổ chức VPHC cũng gấp 02

³ Bộ Quốc phòng

lần giống như thẩm quyền phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân không. Do Luật XLVPHC chưa quy định rõ về vấn đề này nên hiện nay có hai cách hiểu và áp dụng khác nhau⁴: (i) thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC đối với hành vi VPHC của tổ chức được xác định theo giá trị tang vật, phương tiện và bằng mức phạt tiền áp dụng đối với hành vi VPHC của cá nhân; (ii) thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC được xác định như thẩm quyền phạt tiền, tức là, thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện đối với tổ chức VPHC cũng gấp 02 lần đối với cá nhân VPHC.

- Vấn đề giao quyền: Luật XLVPHC đã quy định vấn đề giao quyền xử phạt cho cấp phó tại Điều 54 (Giao quyền xử phạt); khoản 2 Điều 87 (Cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC); khoản 2 Điều 123 (Tạm giữ người theo thủ tục hành chính). Tuy nhiên, đối với các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm XPVPHC khác (Tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC; Khám người; Khám phương tiện vận tải, đồ vật; Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC...), Luật XLVPHC và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP không quy định việc giao quyền cho cấp phó trong việc áp dụng các biện pháp này. Vì vậy, trong quá trình áp dụng quy định của Luật XLVPHC, có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau về vấn đề này, cụ thể như sau:

+ *Cách hiểu và áp dụng thứ nhất*, Luật XLVPHC chỉ quy định về việc giao quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền trong 03 trường hợp tại Điều 54, khoản 2 Điều 87 và khoản 2 Điều 123). Ngoài 03 trường hợp nêu trên thì cấp trưởng không được giao quyền cho cấp phó. Đây là cách hiểu và vận dụng phổ biến trên thực tế.

+ *Cách hiểu và áp dụng thứ hai*, cấp trưởng được giao quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền của mình trong tất cả các quyết định liên quan đến việc XPVPHC để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn áp dụng như trường hợp cấp trưởng vắng mặt, bị ốm đau, nghỉ phép dài ngày..., không thể thực hiện thẩm quyền của mình. Nếu không được giao quyền thì thực tế sẽ làm “bó tay” các cơ quan, lực lượng thực thi pháp luật về XLVPHC.

- Thủ tục định giá tang vật: Điều 60 Luật XLVPHC quy định việc xác định giá trị tang vật VPHC để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt. Tuy nhiên, đối với trường hợp tang vật vi phạm là hàng cấm (pháp nỏ, đồ chơi bạo lực...), hàng thuộc danh mục Cites (ngà voi, sừng tê giác...) sẽ không có căn cứ xác định giá trị do các mặt hàng này không có giá trên thị trường để Hội đồng định giá có thể tham khảo, xác định⁵.

- Về quy định xử lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để VPHC thuộc trường hợp bị tịch thu: Đối với trường hợp này, khoản 1 Điều 126 Luật XLVPHC quy định tang vật, phương tiện bị

⁴ Bộ Công thương, Lạng Sơn; Quảng Ninh, Tiền Giang, Gia Lai

⁵ Bộ Tài chính

tạm giữ theo thủ tục hành chính do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để VPHC được trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp, còn “cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước”. Nhưng tại Điều 21 và Điều 28 của Luật lại không quy định nội dung này là hình thức xử phạt hay biện pháp khắc phục hậu quả. Do đó, chưa có cơ sở cho việc thể hiện nội dung này khi ban hành quyết định XPVPHC. Trong mẫu quyết định XPVPHC được ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP cũng không có nội dung này, cho nên, có địa phương ban hành 01 quyết định riêng (bên cạnh quyết định XPVPHC) trong trường hợp này.

1.2. Những khó khăn, vướng mắc chủ yếu xuất phát từ quy định của các Nghị định quy định chi tiết Luật XLVPHC:

1.2.1. Quy định về các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP sử dụng trong XPVPHC còn nhiều bất cập:

- Thiếu biểu mẫu Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: Nghị định số 81/2013/NĐ-CP hiện không quy định biểu mẫu Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Còn Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC, tại Điều 33, chỉ quy định những nội dung chính cần phải có trong Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả chứ cũng không quy định biểu mẫu cụ thể, cho nên gây ra nhiều lúng túng và khó khăn trong việc sử dụng biểu mẫu Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tại địa phương⁶.

- Mẫu Quyết định số 02 (Quyết định XPVPHC): Mẫu này không phù hợp với thể thức văn bản hành chính quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính, gây lúng túng cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, dẫn đến việc mỗi địa phương áp dụng theo một cách khác nhau.

- Mẫu biên bản số 01 (Biên bản VPHC): trong phần những người tham gia lập biên bản ký tên có “Đại diện chính quyền” (ký, ghi rõ chức vụ, họ tên) quy định như vậy gây khó khăn trong việc lập Biên bản VPHC vì không phải khi nào lập Biên bản VPHC cũng mời được đại diện chính quyền địa phương.

- Mẫu biên bản số 06 (Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện VPHC): Trong nội dung của mẫu này có phần “Người ra quyết định xử phạt hoặc quyết định tịch thu” phải ký vào biên bản. Việc yêu cầu người ra quyết định xử phạt hoặc quyết định

⁶ Quảng Nam, Đồng Nai

tịch thu phải ký vào biên bản cũng rất khó thực hiện, nhất là đối với các vụ việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh⁷.

1.2.2. Những khó khăn, vướng mắc liên quan đến các Nghị định khác:

- Trong 08 tháng đầu năm 2014, một số Nghị định xử phạt lĩnh vực chuyên ngành chưa kịp ban hành, do đó tạo ra những khoảng trống trong quá trình triển khai thi hành Luật (Nghị định về XPVPHC trong lĩnh vực đất đai và tiền tệ, ngân hàng). Mặc dù việc áp dụng văn bản đã theo tinh thần Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 08/7/2013 của Chính phủ nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện thì nhiều trường hợp bị ách tắc do nội dung của các Nghị định chuyên ngành hoặc các biểu mẫu áp dụng kèm theo Nghị định chưa được thay thế không phù hợp với quy định của Luật XLVPHC nên không thể vận dụng được theo quy định tại Nghị quyết 83/ND-CP. Ví dụ: Việc chậm ban hành Nghị định quy định về XPVPHC trong lĩnh vực đất đai (Nghị định số 102/2014/NĐ-CP của Chính phủ về XPVPHC trong lĩnh vực đất đai mới được ban hành ngày 10/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 25/12/2014) dẫn tới nhiều khó khăn khi xử phạt hành vi vi phạm về đất đai đối với tổ chức. Người có thẩm quyền xử phạt không biết áp dụng theo Nghị định số 105/2009/NĐ-CP (xử phạt như cá nhân) hay áp dụng nguyên tắc xử phạt theo điểm e Điều 3 Luật XLVPHC, nếu áp dụng theo Nghị định số 105/2009/NĐ-CP thì trái với Điều 3 của Luật.

- Một số Nghị định quy định về thẩm quyền xử phạt của những người có thẩm quyền xử phạt chung như lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, cơ quan Quản lý thị trường... nhưng không gắn với từng hành vi vi phạm tại các điều, khoản, điểm cụ thể mà chỉ nêu một cách chung chung: những người có thẩm quyền xử phạt thuộc lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi VPHC quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý. Cách quy định như vậy gây nhiều khó khăn cho việc áp dụng pháp luật, dễ dẫn đến việc tình trạng tranh chấp về mặt thẩm quyền hoặc đùn đẩy trách nhiệm giữa các lực lượng chức năng.

2. Một số khó khăn, vướng mắc trong các quy định pháp luật về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

2.1. Về điều kiện áp dụng các biện pháp XLHC:

Quy định về số lần vi phạm bị XPVPHC trong thời hạn quy định 06 tháng là điều kiện áp dụng biện pháp GDTXPTT, đưa vào TGD, CSGDBB có sự không thống nhất giữa Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp XLHC GDTXPTT (Nghị định số 111/2013/NĐ-CP) và Luật XLVPHC⁸. Các Điều 90, 92 và 94 Luật XLVPHC quy

⁷ Hà Nam, Thái Nguyên

⁸ Bình Thuận, Đà Nẵng

định điều kiện áp dụng biện pháp GDTXPTT, đưa vào TGD, CSGDBB là “02 lần trở lên trong 06 tháng” có hành vi vi phạm và bị XPVPHC; Khoản 1, 2 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định: “ít nhất hai lần bị XPVPHC về các hành vi vi phạm đó trong 06 tháng”; Điểm c, d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP quy định: “trong 06 tháng đã ít nhất hai lần bị XPVPHC về hành vi...”.

Quy định tại các văn bản trên đang khiến các địa phương lúng túng, chưa có sự thống nhất cả về nhận thức và phối hợp thực hiện. Có ý kiến cho rằng, theo quy định của Luật XLVPHC thì từ lần vi phạm thứ ba, đối tượng mới bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính GDTXPTT, đưa vào TGD, CSGDBB; có ý kiến cho rằng, lần vi phạm thứ 2 (lần cuối), ngoài hình thức XPVPHC thì có thể lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp GDTXPTT, đưa vào TGD, CSGDBB; có ý kiến cho rằng, một hành vi vi phạm không thể vừa bị XPVPHC, vừa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, vì như thế sẽ vi phạm nguyên tắc “Một hành vi VPHC chỉ bị xử phạt một lần” được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật XLVPHC.

2.2. Về trình tự, thủ tục:

- Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp GDTXPTT gặp nhiều khó khăn, hạn chế do quy định thời gian của 02 lần vi phạm quá ngắn, rất khó có đối tượng để áp dụng biện pháp này (đồng nghĩa với việc không đủ điều kiện áp dụng các biện pháp chế tài cao hơn: vào TGD, CSGDBB và CSCNBB); nhiều trường hợp đối tượng vi phạm nhiều lần nhưng ở địa phương khác nên khó có thể áp dụng theo quy định “02 lần trở lên trong 06 tháng”; thời hạn áp dụng từ 03-06 tháng là quá ngắn, không bảo đảm thời gian thực hiện biện pháp giáo dục⁹.

- Công tác lập hồ sơ đưa vào TGD, CSGDBB theo Luật XLVPHC cũng quy định số lần vi phạm nhiều hơn và khoảng cách giữa các lần vi phạm cũng ngắn hơn so với quy định trước đây của Pháp lệnh XLVPHC. Qua thực tiễn áp dụng cho thấy, quy định của Luật XLVPHC và các văn bản liên quan về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là chưa thật sự phù hợp. Các đối tượng nghiện ma túy, cần quấy vẫn tiếp tục lách luật để vi phạm, là nguy cơ tiềm ẩn dẫn đến tội phạm. Số thanh thiếu niên vi phạm chưa được giáo dục, răn đe kịp thời trở thành gánh nặng cho xã hội, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và trật tự an toàn xã hội¹⁰.

- Trình tự, thủ tục lập hồ sơ người nghiện ma túy để chuyển sang TAND cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào CSCNBB quá phức tạp, đối tượng nghiện ma túy, có thể bị áp dụng cùng lúc 02 biện pháp: GDTXPTT và cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP. Cụ thể, Luật XLVPHC quy định thời gian áp dụng biện pháp GDTXPTT là từ 03 tháng đến 06 tháng, trong khi đó theo quy định của Nghị định số

⁹ Đà Nẵng

¹⁰ Đồng Tháp

94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng, thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng là từ 06 tháng đến 12 tháng. Như vậy, trong trường hợp đối tượng đã thực hiện xong biện pháp GDTXPTT mà có hành vi vi phạm tiếp cần phải áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác nhưng chưa thực hiện xong biện pháp cai nghiện ma túy tại cộng đồng nên chưa thể lập hồ sơ. Điều này gây lúng túng và khó triển khai thực hiện trong thực tế¹¹. Ngoài ra, đối với người sau cai nghiện trở về từ các trung tâm bị phát phát hiện tái nghiện thì cũng phải lập hồ sơ lại như ban đầu.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 103 của Luật XLVPHC và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp XLHC đưa vào CSCNBB thì sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở bắt buộc, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB: khi áp dụng quy định này trên thực tế, nhiều địa phương có ý kiến rằng người nghiện bỏ trốn sau khi nhận được thông báo nên Công an không lập được hồ sơ đề nghị. Đây là một trong những nguyên nhân khó khăn trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

- Đối với quy định tại Điều 103 Luật XLVPHC và Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP quy định trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB phải có văn bản xác định tình trạng nghiện của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB. Tuy nhiên, hiện nay, chưa có văn bản nào hướng dẫn vấn đề này. Thông tư liên tịch giữa Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy của người nghiện ma túy mới đang trong quá trình soạn thảo, lấy ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó, thực tế hiện nay lực lượng y, bác sĩ tại Trạm y tế phường chưa được đào tạo, tập huấn về điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy hoặc đã được đào tạo nhưng chưa có trường hợp nào được cấp chứng chỉ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, vì vậy không có đủ cơ sở pháp lý để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB¹². Chính vì vậy, các địa phương vẫn phải chờ hướng dẫn cụ thể mới tổ chức triển khai thực hiện.

- Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 9 NĐ số 221/2013/NĐ-CP thì trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB phải có “Giấy xác nhận hết thời gian cai nghiện ma túy tại gia đình hoặc cai nghiện ma túy tại cộng đồng” của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc tài liệu chứng minh bị đưa ra khỏi chương trình điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: trên thực tế, nhiều địa phương không triển

¹¹ Thành phố Hồ Chí Minh

¹² An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh

khai tổ chức biện pháp cai nghiện tại gia đình và cộng đồng hoặc điều trị nghiện nên không cấp loại giấy này.

- Quy định tại Điều 131 của Luật XLVPHC và Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP về việc giao cho gia đình hoặc tổ chức xã hội (đối với người không có nơi cư trú ổn định) quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB không thực hiện được trên thực tế vì việc quản lý số đối tượng này gặp nhiều khó khăn do, nếu để cho gia đình quản lý thì đồng nghĩa với việc đối tượng tiếp tục tiêm chích ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ, vì gia đình của người nghiện không thể và cũng không có nghiệp vụ để quản lý, giúp đối tượng giảm nhu cầu sử dụng ma túy trong thời gian lập hồ sơ; mặt khác, các tổ chức xã hội không đủ khả năng và điều kiện để quản lý người nghiện ma túy. Hơn nữa, cơ chế, chính sách hỗ trợ các tổ chức xã hội thực hiện công việc này chưa được quy định¹³. 

¹³ Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Đà Nẵng